



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo : Đại học chính quy
Ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh
Mã số : 734 01 01

(Chương trình đào tạo này đã được ban hành theo Quyết định số 1839/QĐ-DHTL ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Trường Đại học Thủy lợi)

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh nhằm cung ứng cho xã hội đội ngũ lao động trình độ cao đủ năng lực đảm nhận các vị trí quản lý trong các tổ chức, doanh nghiệp thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế của đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1 (MT1): Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên- xã hội, có tư duy hệ thống, phân tích phân biện, kiến thức chuyên môn toàn diện về kinh doanh và quản lý;

Mục tiêu 2 (MT2): Có khả năng thích nghi và tự học tập thông qua hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực về kinh doanh và quản lý;

Mục tiêu 3 (MT3): Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết vấn đề về vận hành và quản lý trong tổ chức, doanh nghiệp thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh;

Mục tiêu 4 (MT 4): Có đạo đức, trách nhiệm xã hội, có năng lực cộng tác, hoạch định phát triển bản thân và hội nhập quốc tế;

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất đạo đức như sau:

2.1. Kiến thức

*** Kiến thức chung**

CĐR 1: Vận dụng được các kiến thức đại cương (toán, xác suất thống kê, công nghệ thông tin), kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào việc tính toán, mô phỏng, phân tích, tổng hợp các vấn đề kinh tế, kinh doanh và quản lý.

CĐR 2: Vận dụng được những kiến thức về kinh tế, kinh doanh và quản lý, kiến thức chuyên môn về các lĩnh vực quản trị trong doanh nghiệp như: Quản trị chiến lược, Quản trị tác nghiệp, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Quản trị rủi ro, Quản trị chất lượng....

*** Kiến thức chuyên ngành**

CĐR 3: Vận dụng được những kiến thức chuyên môn sâu về một trong ba lĩnh vực: quản trị marketing, quản trị kinh doanh quốc tế, quản trị thương mại điện tử. Cụ thể như sau:

- Chuyên ngành Quản trị marketing

CĐR 3.1: Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu marketing, xây dựng và quản lý hệ thống thông tin marketing; phương pháp và quy trình phân tích môi trường marketing trong nước và quốc tế; kiến thức về thị trường và hành vi người tiêu dùng; phương pháp, quy trình và nội dung phát triển các chiến lược và kế hoạch marketing; nội dung và quy trình quản trị các hoạt động marketing cụ thể như quản trị và phát triển sản phẩm, quản trị thương hiệu, quản trị giá, quản trị kênh phân phối và bán hàng và quản trị truyền thông marketing, quản trị quan hệ khách hàng,...; kiến thức về tổ chức thực hiện và hệ thống chỉ tiêu, phương pháp kiểm tra đánh giá hoạt động marketing.

- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế

CĐR 3.2: Vận dụng được kiến thức về môi trường kinh doanh, đầu tư, thương mại, tài chính quốc tế; kiến thức về quản trị các nguồn lực, tổ chức, vận hành các hoạt động kinh doanh quốc tế từ lập kế hoạch, thiết kế, đến thực hiện các nghiệp vụ trong chuỗi cung ứng toàn cầu; các kỹ thuật xây dựng chiến lược kinh doanh toàn cầu trong môi trường đa văn hóa, cách thức xâm nhập thị trường nước ngoài và các kiến thức nghiệp vụ cụ thể như thanh toán quốc tế, bảo hiểm ngoại thương, tranh chấp trong thương mại quốc tế.

**** Chuyên ngành Quản trị kinh doanh thương mại điện tử***

CĐR 3.3: Vận dụng được kiến thức, phương pháp, công cụ kinh doanh trên nền tảng công nghệ thông tin với sự hỗ trợ của Internet để thực hiện các hoạt động marketing số, giao dịch mua bán, trao đổi, thanh toán trực tuyến, phát triển, quản trị hệ thống kinh doanh thương mại điện tử bao gồm: xây dựng và triển khai chiến lược, kế hoạch kinh doanh điện tử, khai thác dữ liệu, quản trị rủi ro và an toàn thông tin, quản trị thương hiệu trực tuyến.

2.2. Kỹ năng

*** Kỹ năng chung**

CĐR 4: Có khả năng thành lập, tổ chức và vận hành các nhóm làm việc theo yêu cầu.

CĐR 5: Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp bằng văn bản hoặc các phương tiện truyền tin khác tới các cá nhân và tổ chức tại nơi làm việc.

CĐR 6: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc, đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 của Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương.

CĐR 7: Có khả năng sử dụng hiệu quả các công cụ và phần mềm chuyên dụng trong công việc, đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

*** Kỹ năng chuyên ngành**

CĐR 8: Có kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu/thông tin để giải quyết vấn đề hoặc ra quyết định trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

CĐR 9: Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ quản trị kinh doanh đơn giản, thường xuyên xảy ra, có tính quy luật, dự báo được trong doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả.

CĐR 10: Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế khi phân tích và xử lý các tình huống quản trị kinh doanh trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi;

CĐR 11: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CĐR 12: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi tại doanh nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm đối với các nhiệm vụ được giao.

CĐR 13: Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

CĐR 14: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

CĐR 15: Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2.4 Phẩm chất đạo đức

CĐR 16: Có đạo đức, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa và thời gian đào tạo

- Tổng số tín chỉ: 130

- Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ)

Học kỳ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	Tổng số
Số tín chỉ	14	17	18	18	18	18	17	10	130

- Phân bổ khối lượng kiến thức:

TT	Học phần	Tín chỉ
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	32
I.1	Lý luận chính trị	13
I.2	Kỹ năng	5
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	8
I.4	Tiếng Anh	6
I.5	Giáo dục quốc phòng	165t
I.6	Giáo dục thể chất	5
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	98
II.1	Cơ sở khối ngành	19
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	10
II.3	Kiến thức ngành	36
II.4	Kiến thức tự chọn	8

TT	Học phần	Tín chỉ
II.5	Thực tập và học phần tốt nghiệp	10
II.6	Kiến thức chuyên ngành	15
<i>II.6.1</i>	<i>Quản trị kinh doanh quốc tế</i>	<i>15</i>
<i>II.6.1</i>	<i>Quản trị Marketing</i>	<i>15</i>
<i>II.6.1</i>	<i>Quản trị Kinh doanh thương mại điện tử</i>	<i>15</i>
	Tổng cộng (I + II)	130

4. Đối sánh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

Đối sánh chuẩn đầu ra với các chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra QTKD - ĐHTL	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CĐR 1		x	x	x		x	
CĐR 2	x	x	x	x			x
CĐR 3		x	x			x	
CĐR 4					x		x
CĐR 5		x	x			x	
CĐR 6	x	x	x	x			
CĐR 7	x	x	x	x			
CĐR 8	x				x		x
CĐR 9	x		x			x	x
CĐR 10		x			x		
CĐR 11	x	x	x		x		
CĐR 12	x		x			x	
CĐR 13	x	x			x		x
CĐR 14			x	x		x	
CĐR 15		x		x	x		
CĐR 16			x	x			

Đối sánh chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức CTĐT QTKD - ĐHTL	Số TC	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Giáo dục đại cương	32	42	53	29	49.5	31	31	42
I.1	Lý luận chính trị	13	10	12	10	11	12	3	
I.2	Kỹ năng	5	0	3		20		10	
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	8	11	32	7	12	10	3	22
I.4	Tiếng Anh	6	9	6	6	10	3	3	20
I.5	Giáo dục quốc phòng	165t	8	165t	3	8.5		5	
I.6	Giáo dục thể chất	5	4	5	8	4		10	
II	Giáo dục chuyên nghiệp	98	85	93	102	100	87	87	120
II.1	Cơ sở khối ngành	19	12	6	14	14	6	46	35
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	10	15	12	25	14	9	31	34
II.3	Kiến thức ngành	36	42	24	33	27	41	15	20

STT	Khối kiến thức CTĐT QTKD - ĐHTL	Số TC	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II.4	Học phần tốt nghiệp	10	10	8	10	15	10	6	10
II.5	Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 3 chuyên ngành: Quản trị marketing, Quản trị kinh doanh quốc tế và Quản trị kinh doanh thương mại điện tử)	15	18	30	6	12	18	20	24
II.6	Kiến thức tự chọn	8	15	9	3	6	6	13	8

Ghi chú:

- (1) Chương trình đào tạo Ngành QTKD của trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- (2) Chương trình đào tạo Ngành QTKD của trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
- (3) Chương trình đào tạo Ngành QTKD của trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- (4) Chương trình đào tạo Ngành QTKD của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
- (5) Chương trình đào tạo Ngành QTKD của Chulalongkorn University, Thailand
- (6) Chương trình đào tạo Ngành QTKD của York St John University, England

Chương trình đào tạo Ngành QTKD - University of San Francisco, USA – Bachelor Business Administration

4. Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh và hình thức xét tuyển được đăng tải trên website <http://ts.tlu.edu.vn/>

*** Đối tượng tuyển sinh**

- Thí sinh có đủ điều kiện tham gia tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

*** Phương thức tuyển sinh:**

- Trường Đại học Thủy lợi tổ chức xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh theo 3 phương thức sau (Thông báo số 359/TB-ĐHTL, ngày 26/5/2020 về tuyển sinh đại học chính quy năm 2020)

Tại cơ sở chính tại Hà Nội (TLA)

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, không quá 10% tổng chỉ tiêu

Tuyển thẳng vào tất cả các ngành theo thứ tự ưu tiên từ đối tượng 1 đến đối tượng 5.

- Đối tượng 1: Những thí sinh thuộc các đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đối tượng 2: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích tại các kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố một trong các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường hoặc đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích tại kỳ thi khoa học kỹ thuật cấp Tỉnh/Thành phố;
- Đối tượng 3: Thí sinh học tại các trường chuyên;
- Đối tượng 4: Thí sinh có học lực loại giỏi 3 năm lớp 10, 11, 12 (đối với học sinh TN năm 2020 chỉ xét HK1);
- Đối tượng 5: Thí sinh có học lực loại khá trở lên năm lớp 12, đạt chứng chỉ Tiếng Anh từ 5.0 IELTS hoặc tương đương trở lên.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2020, từ 70% tổng chỉ tiêu

- Điểm chuẩn trúng tuyển theo các tổ hợp môn xét tuyển là như nhau;
- Có điểm trúng tuyển theo ngành, theo cơ sở đào tạo.
- Thí sinh có điểm tổng các môn thi thuộc kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 của tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của Nhà trường, được xét từ cao xuống thấp đến đủ chỉ tiêu theo quy định. Trường hợp số thí sinh bằng điểm nhau nhiều hơn chỉ tiêu thì xét ưu tiên điểm môn Toán.
- Xét tuyển theo các nguyện vọng của thí sinh đã đăng ký (xếp theo thứ tự ưu tiên trên Phiếu ĐKXT): Nếu thí sinh đã trúng tuyển theo nguyện vọng xếp trên thì sẽ không được xét các nguyện vọng tiếp theo. Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành chỉ căn cứ trên kết quả điểm xét của thí sinh và chỉ tiêu, vị trí các nguyện vọng của các thí sinh có giá trị như nhau.

Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả học bạ, không vượt quá 30% tổng chỉ tiêu

* Xét tuyển dựa vào tổng điểm trung bình 03 năm các môn trong tổ hợp xét tuyển, không tính học kỳ 2 năm lớp 12 đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2020.

* Ngưỡng nhận hồ sơ:

- Nhóm ngành Công nghệ thông tin có tổng điểm đạt từ 21,0;

- Ngành Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa có tổng điểm đạt từ 19,0;

- Các ngành khác tổng điểm đạt từ 18,0.

* Trong trường hợp nhiều thí sinh đạt cùng ngưỡng điểm thì thứ tự ưu tiên là môn Toán.

* Cách tính Điểm xét tuyển (ĐXT) = $(M1 + M2 + M3 + ĐUT)$

$Mi = (TBi_l\acute{o}p\ 10 + TBi_l\acute{o}p\ 11 + TBi_l\acute{o}p\ 12)/3$

Trong đó: $i=1-3$, là số môn trong tổ hợp xét tuyển; TBi : Điểm TB năm môn i ; Mi : Điểm trung bình 3 năm môn i ; đối với thí sinh TN năm 2020 $TBi_l\acute{o}p\ 12 = TBi\ HK1\ l\acute{o}p\ 12$, $ĐXT$: Điểm xét tuyển; $ĐUT$: Điểm ưu tiên.

Cơ sở Phổ Hiến và Phân hiệu Miền Nam (TLS)

Phương thức 1, 2 tương tự như Cơ sở chính tại Hà Nội và không vượt 50% tổng chỉ tiêu của mỗi cơ sở;

Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả học bạ, không vượt 50% tổng chỉ tiêu của mỗi cơ sở

* Xét tuyển dựa vào tổng điểm trung bình 03 năm các môn trong tổ hợp xét tuyển, không tính học kỳ 2 năm lớp 12 đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2020.

* Ngưỡng nhận hồ sơ: Thí sinh đạt từ 16,0 trở lên.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

*** Quy trình đào tạo**

Quy định chung

Trường Đại học Thủy lợi tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Chương trình đào tạo (CTĐT) Ngành Quản trị kinh doanh được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến

thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Các Học phần trong CTĐT bao gồm hai loại: Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu và bắt buộc Người học phải tích lũy; Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng Người học được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần theo quy. Khối lượng học tập của người học được tính theo đơn vị tín chỉ. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ người học phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 07 giờ 00 đến 21 giờ 30 hằng ngày.

Tuỳ theo số lượng Người học, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, Trường phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp.

Tổ chức đào tạo

Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính chia làm 2 giai đoạn, mỗi giai đoạn gồm 8 tuần thực học và 2 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Nhà trường còn bố trí và 3 học kỳ song song để người học có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

Thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo ngành QTKD là 6 năm. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo Lịch trình dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, từng người học phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với Phòng đào tạo của trường thông qua hệ thống phần mềm đăng ký học (dangky.tlu.edu.vn). Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi người học phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

- a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những người học được xếp hạng học lực bình thường;
- b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những người học đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.
- c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với người học ở học kỳ phụ.

Người học đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những người học xếp hạng học lực bình thường. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của chương trình đào tạo. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu Người học không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F. Người học có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D. Người học có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Người học xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi Trường Khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

Xếp hạng năm đào tạo và học lực

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, Người học được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- a) Người học năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
- b) Người học năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
- c) Người học năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;
- d) Người học năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ đến dưới 130 tín chỉ;

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, Người học được xếp hạng về

học lực như sau:

- a) Hạng trung bình: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng Người học về học lực.

Nghỉ học tạm thời

1. Người học được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, Người học phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức.

2. Người học nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới .

Bị buộc thôi học

1. Sau mỗi học kỳ, Người học bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp;
- b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với Người học năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với Người học năm thứ hai; dưới 1,60 đối với Người học năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với Người học các năm tiếp theo và cuối khoá;
- c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách Người học của trường.

2. Chậm nhất là một tháng sau khi Người học có quyết định buộc thôi học, Nhà trường ra thông báo trả về địa phương nơi Người học có hộ khẩu thường trú.

Học cùng lúc hai chương trình

1. Người học học cùng lúc hai chương trình là Người học có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất;

c) Người học không thuộc diện xếp hạng học lực yếu ở chương trình thứ nhất;

3. Người học đang học thêm chương trình thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu của chương trình thứ hai, phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với Người học học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất. Khi học chương trình thứ hai, Người học được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Người học chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp

Chuyển trường

1. Người học được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc Người học có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo

mà Người học đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định dưới đây

2. Người học không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Người học đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Người học thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Người học năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Người học đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

*** Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

Những Người học có đủ các điều kiện sau thì được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh với khối lượng 130 tín chỉ

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định trên để lập danh sách những Người học đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác chính trị và Quản lý người học.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những Người học đủ điều kiện tốt nghiệp.

*** Cấp bằng tốt nghiệp**

1. Người học hoàn thành chương trình đào tạo Ngành Quản trị kinh doanh được cấp Bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những Người học có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của Người học được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm ghi chuyên ngành mà người học đăng ký theo học

4. Người học còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Người học không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những Người học này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định.

Cách thức đánh giá

*** Đánh giá học phần**

Hình thức đánh giá

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính. Người học vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những Người học này khi được trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi sau đó (nếu có). Người học vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu.

Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được

chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10) Giỏi

B (7,0 - 8,4) Khá

C (5,5 - 6,9) Trung bình

D (4,0 - 5,4) Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà Người học đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó Người học được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như trên, còn áp dụng cho trường hợp Người học vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, Người học bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Trưởng Khoa cho phép;

b) Người học không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Trường Khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, Người học nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp Người học chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của Người học từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp Người học học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi Người học chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

*** Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của người học được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà người học đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà người học đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số như sau:

* A tương ứng với 4

* B tương ứng với 3

* C tương ứng với 2

* D tương ứng với 1

* F tương ứng với 0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$\frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

* A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

* a_i là điểm của học phần thứ i

* n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

* n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực Người học và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

6. Nội dung chương trình

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			
1	Pháp luật đại cương	Hiểu được kiến thức cơ bản của môn học Pháp luật đại cương và một số kiến thức ngành luật cơ bản thông dụng (Hiến pháp, Hành chính, Dân sự, Hình sự) Giáo dục tư tưởng chính trị vững vàng, giáo dục ý thức đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức pháp luật, ý thức	2 (2-0-0)	1

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		trách nhiệm của công dân, ý thức thực hiện đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.		
2	Triết học Mác - Lênin	Hiểu được sự ra đời của triết học nói chung, triết học Mác – Lênin nói riêng và vấn đề cơ bản của triết học, vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay, nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật: Vật chất - ý thức, Phép biện chứng duy vật, Lý luận nhận thức, nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử: Hình thái kinh tế – xã hội, Giai cấp – dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, Ý thức xã hội, Vấn đề con người. Vận dụng kiến thức triết học nói chung, triết học Mác – Lênin nói riêng nắm bắt, phân tích, tổng hợp đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Có kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá được một số vấn đề lý luận và thực tiễn từ tiếp cận triết học. Kỹ năng mềm: + Thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian, lập kế hoạch,... + Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường XHCN mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn. Chuyên cần, có tinh thần chủ động nghiên cứu, học tập để nắm vững kiến thức học phần. Có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. Chấp hành tốt đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3(2-1-0)	1
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh đất nước đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hiểu được những nội dung lý luận cơ bản về sản xuất hàng hóa, tiền tệ, giá cả, thị trường, giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, các hình thái biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. Ghi nhớ được các khái niệm CNH, HĐH, KTTT định	2 (2-0-0)	2

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		hướng XHXXN, lợi ích kinh tế, các quan hệ lợi ích kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Hiểu được nội dung, phương hướng của CNH, HĐH, xây dựng KTTT định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Hình thành nên tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện những vấn đề kinh tế - xã hội và bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Kỹ năng mềm: + Thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian, lập kế hoạch,... + Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường XHCN mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn. Phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp, xã hội: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ Mác - Lênin đối với sinh viên. Giáo dục tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. Chấp hành tốt đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.		
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Phân biệt được nghĩa rộng, nghĩa hẹp của khái niệm Chủ nghĩa xã hội khoa học. - Nắm được hoàn cảnh ra đời của CNXHKKH bao gồm: Các điều kiện kinh tế-xã hội; các tiền đề khoa học; Các tiền đề tư tưởng, lý luận. - Thấy được vai trò của C.Mác, Ph.Ăng ghen đối với sự ra đời của CNXHKKH. Đặc biệt là 3 phát kiến vĩ đại của các ông. - Nắm được các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH. + Hiểu về những đóng góp của ĐCSVN đối với kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. - Phân biệt được đối tượng nghiên cứu của CNXHKKH so với các bộ phận cấu thành khác của CNMLN - Hiểu được ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH. - Hiểu được khái niệm, đặc điểm của giai cấp công nhân, những biến đổi của giai cấp công nhân ngày nay.	2 (2-0-0)	3

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Nắm được nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trước kia và cả hiện nay. - Hiểu được những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. - Từ đó, rút ra được ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn. - Hiểu được bản chất, đặc điểm của giai cấp công nhân hiện nay. - Hiểu được việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của công nhân hiện nay trên các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng. - Rút ra ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn về thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại mới. - Hiểu được quá trình hình thành, đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam. - Hiểu được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. - Rút ra ý nghĩa và xây dựng giải pháp để xây dựng công nhân Việt Nam hiện nay. - Sv hiểu được quan niệm của CNM-L về CNXH - Hiểu điều kiện cơ bản của sự ra đời CNXH với tư cách là giai đoạn đầu của hình thái KT- XH CSCN - Hiểu các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội theo quan điểm của CNM-L -SV hiểu được sự phát triển của các HTKT- XH là một quá trình lịch sử - tự nhiên, việc ra đời HTKT-XH CSCN là một tất yếu - Hiểu được thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu để cải biến toàn diện mọi mặt XH - Thời kỳ quá độ là thời kỳ cần thiết đối với cả nhóm các nước TBCN đã phát triển cao và nhóm các nước “tiền tư bản” muốn tiến lên HTKT-XH cao hơn - Hiểu được đặc trưng của thời kỳ quá độ lên CNXH - Hiểu bản chất và những đặc trưng thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam - Hiểu những nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ ở nước ta - Phương hướng, nhiệm vụ trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam - Sinh viên nắm được quan niệm về dân chủ - Nắm được sự ra đời, phát triển của dân chủ		

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Hiểu được được bản chất của nền dân chủ XHCN nói chung, Việt Nam nói riêng. -SV hiểu được sự ra đời của nhà nước XHCN là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của ĐCS. - Hiểu được bản chất của nhà nước XHCN trên các phương diện: Về chính trị, về kinh tế, về văn hóa- xã hội. - Nắm được chức năng của nhà nước XHCN. - Hiểu được mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước XHCN. -Hiểu bản chất của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam. - Hiểu những đặc điểm của nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam. - Nắm được quan điểm về phát huy dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay. - Hiểu được các khái niệm: cơ cấu xã hội, cơ cấu xã hội-giai cấp và sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội-giai cấp - Hiểu tại sao cần phải xây dựng liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH. - Hiểu được các nội dung cơ bản của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ QĐ. - Nhớ được cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH bao gồm những giai cấp, tầng lớp nào? - Hiểu được vị trí của từng giai cấp, tầng lớp trong cơ cấu đó, xu thế biến đổi của nó. - Nhận thức được phương hướng xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta. - Hiểu được khái niệm dân tộc và những đặc trưng cơ bản của dân tộc. - Hiểu được hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc. - Hiểu được ba nội dung trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin. - Hiểu được đặc điểm dân tộc ở Việt Nam. - Hiểu được quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay trong việc giải quyết vấn đề dân tộc. - Hiểu được nguồn gốc và bản chất của tôn giáo. - Hiểu được nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.		

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. - Hiểu được đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam. - Hiểu được chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. - Hiểu được đặc điểm quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam. - Hiểu được những định hướng trong việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. - Hiểu được khái niệm gia đình, vị trí và các chức năng cơ bản của gia đình - Hiểu được cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Hiểu và nhận thức được những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam; những biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nhận thức được những phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.		
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Hiểu được quá trình ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa) và các phong trào cách mạng của quần chúng diễn ra dưới sự lãnh đạo của Đảng, những chủ trương cơ bản và sự chỉ đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Những thắng lợi đạt được và một số kinh nghiệm lịch sử rút ra trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng từ năm 1930 đến năm 2018, ý nghĩa của các bài học đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội... theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. - Có kỹ năng phân tích, đánh giá quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, - Có kỹ năng thuyết trình, giảng giải trước đám đông, kỹ năng tự nghiên cứu. - Tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, của cách mạng; trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước, sống có trách nhiệm với bản thân,	2 (1.4-0.6)	4

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		gia đình và xã hội...		
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Hiểu được những nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam – độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; về đạo đức, văn hóa và con người. Từ đó, rút ra ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đối với bản thân và đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hiện nay. - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc giải quyết những vấn đề đặt ra trong cuộc sống. - Có kỹ năng nghiên cứu, phân tích những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh - Có thái độ học tập, làm việc nghiêm túc, đề cao tinh thần tự học, tự nghiên cứu, năng động, yêu thích môn học.	2 (1.4-0.6)	5
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	- Hiểu được phương pháp dạy - học ở đại học. - Phân tích được các khái niệm, vai trò và nội dung cơ bản của kỹ năng giao tiếp và thuyết trình. - Vận dụng được một số kỹ năng giao tiếp cơ bản: kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi, kỹ năng viết email, đơn thư, kỹ năng viết văn bản khoa học... và kỹ năng thuyết trình vào trong học tập và cuộc sống. - Hiểu đúng khởi nghiệp là gì, vai trò của khởi nghiệp trong giai đoạn hiện nay. - Vận dụng các phương pháp học đại học vào trong quá trình học tập một cách hiệu quả. - Biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân khi giao tiếp và thuyết trình, nhận diện được phong cách giao tiếp của bản thân và người khác. - Có khả năng trình bày rõ ràng, mạch lạc, có hệ thống, logic một đề tài/chủ đề. - Có phương pháp làm việc khoa học, kỹ năng phân tích, xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề trong những tình huống giao tiếp và thuyết trình thực tế. - Áp dụng các phương pháp để tìm ra ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý. - Xây dựng và trình bày được các ý tưởng cho kế hoạch khởi nghiệp. - Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3 (2-1-0)	2
8	Kỹ năng đàm phán	- Hiểu rõ các nội hàm, phương thức phong cách, nguyên tắc, chiến lược, các giai đoạn đàm phán, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đàm phán	2 (1-1-0)	2

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Vận dụng được các nguyên tắc đàm phán trong tình huống đàm phán giả định và thực tế - Vận dụng được các công cụ đàm phán trong kinh doanh và thực hành các bước đàm phán trong một tình huống cụ thể. - Phân tích được các phong cách đàm phán - Xây dựng được các chiến lược đàm phán - Bố trí nhân sự cho đoàn đàm phán một cách hợp lý - Áp dụng được một số kỹ năng đàm phán cơ bản: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt và trả lời câu hỏi, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng thuyết phục để đàm phán thành công. - Có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. - Có tinh thần trách nhiệm và sáng tạo trong công việc; có khả năng xác định mục tiêu và lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể. - Biết xử lý hài hoà lợi ích giữa các bên tham gia đàm phán, giữa cá nhân với tập thể, tổ chức và quốc gia; đề cao đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp. - Có ý thức tự học, rèn luyện kỹ năng đàm phán trong cuộc sống hàng ngày và trong công việc. - Tự tin, chủ động trong quá trình chuẩn bị và đàm phán thực tế. - Tôn trọng đối tượng và hợp tác trong quá trình đàm phán.		
Khoa học tự nhiên và tin học				
9	Toán cao cấp I	+ Vận dụng được kiến thức về đại số tuyến tính như ma trận, định thức, không gian véc tơ, cơ sở và chiều, véc tơ riêng, giá trị riêng, dạng toàn phương, dạng, tính chất, các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính để phân tích và giải quyết các bài toán kinh tế nảy sinh trong thực tế. + Tính toán thành thạo các phép toán ma trận, định thức. + Tính toán thành thạo giải hệ phương trình tuyến tính, hệ véc tơ độc lập tuyến tính hoặc phụ thuộc tuyến tính. + Tính được giá trị riêng, véc tơ riêng, dạng toàn phương, cơ sở và chiều không gian vectơ. + Liên hệ với các mô hình trong các bài toán Kinh tế	2 (1-1-0)	1
10	Toán cao cấp II	+ Vận dụng được kiến thức về giải tích như hàm số, giới hạn, đạo hàm, vi phân, ứng dụng của đạo hàm hàm một biến, hàm nhiều biến, hàm ẩn, cực trị hàm nhiều biến. Từ đó giải các bài toán trong kinh tế như các bài toán tối ưu,	3 (2-1-0)	2

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		các bài toán giá trị cận biên, các bài toán lãi suất ... + Nắm được các khái niệm cơ bản về hàm nhiều biến, hàm ẩn, cực trị hàm nhiều biến. Từ đó giải các bài toán trong kinh tế trong thực tế như bài toán tối ưu, các hàm cầu.... Tích phân 1 lớp, tích phân suy rộng và ứng dụng của chúng trong kinh tế. + Tính toán thành thạo giới hạn và đạo hàm của hàm một biến để giải các bài toán trong kinh tế như bài toán tối ưu, giá trị cận biên... + Tính toán thành thạo đạo hàm, cực trị hàm hai biến để giải các bài toán Kinh tế tương ứng. + Tính được tích phân một lớp và tích phân suy rộng sau đó áp dụng giải các bài toán kinh tế tương ứng. + Liên hệ với các mô hình trong các bài toán Kinh tế		
11	Tin học cơ bản	- Vận dụng được các kiến thức kiến thức về CNTT, máy tính, Internet và một số dịch vụ của internet, phần mềm: Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft Power Point vào lĩnh vực chuyên môn. - Có kỹ năng làm việc với máy tính, có kỹ năng sử dụng các dịch vụ cơ bản của internet - Thành thạo các kỹ năng soạn thảo trên Microsoft Word, tính toán trên bảng tính Microsoft Excel, thiết kế bài thuyết trình sử dụng phần mềm Microsoft Power.	2 (1-0-1)	2
12	Nhập môn Xác suất thống kê	Vận dụng được phép thử ngẫu nhiên, mối quan hệ giữa các biến cố, và các công thức tính xác suất, các hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, phân phối của mẫu, ước lượng tham số thống kê vào việc mô phỏng các bài toán kinh tế, kinh doanh và quản lý trong thực tiễn. - Phân tích tính toán được các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên; hiểu được các phân phối xác suất thường gặp và ứng dụng. - Tính toán được các thống kê mẫu của mẫu dữ liệu, hiểu được các phân phối của thống kê mẫu. - Ước lượng được các tham số thống kê; lập, tính toán và đưa ra kết luận cho các bài toán kiểm định giả thiết thống kê. - Phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán xác suất thống kê. Kỹ năng nghiên cứu tài liệu và thực hành theo yêu cầu, hướng dẫn của giáo viên; kỹ năng tự đọc, tự nghiên cứu,	2 (2-1-0)	3

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		tìm hiểu tài liệu, lập kế hoạch học tập, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua thảo luận, thuyết trình.		
13	Tiếng Anh 1	- Nắm chắc <i>một phần vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản</i> tương đương cấp độ A2 (Khung Châu Âu) hoặc bậc 3 (theo khung năng lực Ngoại ngữ dành cho người Việt Nam). - Vận dụng được kiến thức để giải quyết các bài tập liên quan và áp dụng trong giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh - Vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội được giới thiệu trong các bài học vào các tình huống giao tiếp nhất định - Có khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp cơ bản hàng ngày - Có năng lực đọc hiểu các bài đọc ở mức độ cơ bản - Có năng lực sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để viết câu và viết thư theo yêu cầu ở cấp độ A2	3 (3-0-0)	3
14	Tiếng Anh 2	- Vận dụng được kiến thức để giải quyết các bài tập liên quan và áp dụng trong giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh - Vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội được giới thiệu trong các bài học vào các tình huống giao tiếp nhất định - Có khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp hàng ngày - Có năng lực đọc hiểu các bài đọc - Có năng lực sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để viết câu và viết thư theo yêu cầu ở cấp độ A2	3 (3-0-0)	4
2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				
2.1. Kiến thức Cơ sở khối ngành				
15	Nguyên lý kinh tế vi mô	- Vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản về tính toán định lượng và thống kê mô tả, phân tích và so sánh lợi ích - chi phí khi xem xét và giải quyết một vấn đề kinh tế, một dự án đầu tư hay xây dựng và thực hiện một kế hoạch phát triển. - Vận dụng các kiến thức kinh tế hiện đại để nhận biết, phân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế. - Có tư duy về các vấn đề có tính quy luật trong kinh tế như sự đánh đổi, sự lựa chọn, qui luật khan hiếm và nguồn tài nguyên ngày càng có chi phí cao, khả năng vận dụng quan điểm khác nhau vào phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế. - Có khả năng khái quát và nhận thức vấn đề cốt lõi, đưa ra những giải pháp hữu hiệu cho các vấn đề kinh tế;	3 (2-1-0)	1

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
16	Quản trị học	- Nắm vững lịch sử phát triển của khoa học quản trị và lý thuyết quản trị, vai trò, kỹ năng cần thiết của nhà quản trị, các loại thông tin và quá trình ra quyết định quản trị, các phương pháp ra quyết định quản trị, 4 chức năng quản trị chính (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát). - Vận dụng được các kiến thức của học phần vào việc phân tích, tổng hợp và giải thích hành vi, thái độ của các đối tượng có liên quan và giải thích được các hiện tượng liên quan tới sự vận động của hoạt động kinh tế và quản trị kinh doanh. - Vận dụng những kiến thức quản trị vào quá trình đưa ra các quyết định liên quan tới các hoạt động về kinh tế và quản trị doanh nghiệp. - Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin, số liệu liên quan tới các chức năng trong công tác quản trị doanh nghiệp. - Sử dụng hiệu quả các lý thuyết, quy trình, công cụ hỗ trợ trong việc đưa ra các quyết định, giải quyết công việc. - Có khả năng nhận diện, xác định và giải quyết một số vấn đề cơ bản trong công tác quản trị doanh nghiệp. - Có khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua thuyết trình, thảo luận, đàm phán.	2 (1-1-0)	1
17	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	- Vận dụng các kiến thức về kinh tế vĩ mô như GDP, CPI, lạm phát, thất nghiệp, tổng cung và tổng cầu trong nền kinh tế, chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá, phân tích đánh giá cơ hội, thách thức từ môi trường vĩ mô tới hoạt động kinh doanh, tác động của các cú sốc tới nền kinh tế vĩ mô, hoạt động của doanh nghiệp. - Có khả năng phân tích, đánh giá dữ liệu, thông tin vĩ mô phục vụ việc đưa ra các quyết định - Có khả năng lập luận, phát hiện và đưa ra các hướng giải quyết các vấn đề vĩ mô như lạm phát, thất nghiệp	3 (2-1-0)	2
18	Nguyên lý kế toán	- Hiểu rõ luật pháp, chuẩn mực kế toán của Việt Nam và quốc tế. - Hiểu được các thuật ngữ và tài liệu kế toán bằng tiếng Anh. - Vận dụng các nguyên tắc kế toán để giải quyết các tình huống chuyên môn phức tạp. - Vận dụng kiến thức, phương pháp, kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin, phân tích báo cáo tài chính đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người sử dụng thông tin ở trong và ngoài doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực kế toán và	3 (2 -1 -0)	2

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		yêu cầu của luật pháp. - Biết cách định khoản, ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. - Biết cách tính giá các loại tài sản, nguồn vốn. - Có khả năng nghiên cứu cập nhật các thay đổi của chuẩn mực và nguyên tắc kế toán. - Có khả năng tổng hợp và đưa ra những kết luận liên quan đến kế toán.		
19	Pháp luật kinh tế	- Phân tích được địa vị pháp lý của doanh nghiệp được pháp luật thừa nhận, nhằm có lựa chọn hình thức tổ chức và quản lý doanh nghiệp phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình. - Vận dụng các đặc điểm của hợp đồng, điều kiện ký kết và có hiệu lực, các biện pháp bảo đảm thực hiện cũng như trách nhiệm pháp lý của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng từ đó giải quyết các tình huống trong thực tế. - Có khả năng lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp, thủ tục để giải quyết một tranh chấp trong kinh doanh và yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các chủ thể có liên quan. - Có khả năng nhận diện các dấu hiệu một doanh nghiệp, HTX lâm vào tình trạng phá sản, thủ tục và điều kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố một doanh nghiệp phá sản. - Vận dụng các quy định của pháp luật và để giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tế và đánh giá tác động của các quy định pháp luật đó và thực tiễn kinh doanh. - Thương tôn pháp luật	2 (1-1-0)	3
20	Nguyên lý thống kê	- Hiểu được tầm quan trọng của việc tính chính xác các số liệu thống kê trong các hoạt động kinh tế, xã hội, kinh doanh. - Hiểu rõ các chỉ tiêu cơ bản của thống kê và cách tính các chỉ tiêu mức độ khối lượng tuyệt đối, mức độ tương đối, các loại chỉ số, các cách dự báo, cách phân tích và dự báo các số liệu thống kê. - Áp dụng lý thuyết học được vào thực tế các hoạt động liên quan đến kinh tế, xã hội, kinh tại Việt Nam thông qua các bài tập - dự án thực tế - Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá và xử lý những vấn đề nảy sinh trong các hoạt động kinh tế, xã hội, kinh doanh. - Có khả năng ứng dụng các phương pháp phân tích thống kê vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong các lĩnh	3 (2-1-0)	3

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		vực. - Biết cách lên phương án và triển khai điều tra thống kê theo yêu cầu. - Có khả năng đọc hiểu các số liệu thống kê. - Có khả năng vận dụng các kiến thức về thống kê vào triển khai điều tra thống kê, phân tích số liệu. - Vận dụng thành thạo các kỹ thuật, công cụ để chẩn đoán và phân tích các vấn đề và hiện tượng kinh tế, xã hội, kinh doanh. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:		
21	Marketing căn bản	- Hiểu và cho ví dụ được nội hàm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của marketing trong doanh nghiệp, quy trình nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến quyết định marketing của doanh nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua của người tiêu dùng và quá trình ra quyết định mua; sự khác biệt giữa thị trường người tiêu dùng và thị trường tư liệu sản xuất, các giai đoạn trong chu kỳ sống của sản phẩm, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị, hoạt động marketing-mix. - Vận dụng kiến thức để lập kế hoạch marketing cho một sản phẩm mới, một kế hoạch truyền thông của doanh nghiệp - Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình thông qua các bài tập thảo luận nhóm - Kỹ năng tính toán, phân tích thông qua bài tập về tính giá - Kỹ năng thiết lập, phân tích, đánh giá thông qua việc lập bảng câu hỏi, điều tra và tổng hợp đánh giá bảng câu hỏi - Có khả năng lập luận, phân tích, phản biện những tình huống liên quan đến marketing, thị trường, kênh phân phối, các chiến dịch truyền thông cụ thể - Có khả năng quan sát, mô tả lại quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng, các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua. Sau đó đưa ra phân tích và nhận định cụ thể của từng tình huống - Có đạo đức, trách nhiệm xã hội xã hội và tuân thủ pháp luật	3 (2-1-0)	4
2.2 Kiến thức cơ sở ngành				
22	Tài chính - tiền tệ	- Nắm rõ các kiến thức về tài chính, tiền tệ, thống kê, thuế - Vận dụng các kiến thức để giải thích các hiện tượng kinh tế có liên quan đến thị trường tài chính, các vấn đề về tỷ	2 (1-1-0)	1

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		giá hối đoái, lạm phát, lãi suất, hoạt động của ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương trong việc thực thi chính sách tiền tệ,... - Có khả năng phân tích tình hình kinh tế tài chính nói chung của nền kinh tế.		
23	Thương mại điện tử	- Nắm được quá trình phát triển và xu hướng của thương mại điện tử, lợi ích, đặc trưng, cơ sở hạ tầng của thương mại điện tử, vấn đề rủi ro và an ninh trong thương mại điện tử, sản giao dịch và các mô hình thương mại điện tử hình B2C, B2B, thanh toán và marketing điện tử. - Vận dụng kiến thức được học vào việc giải quyết các tình huống cụ thể của doanh nghiệp thương mại điện tử - Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng viết báo cáo,... - Có khả năng vận dụng các kiến thức về quản trị kinh doanh thương mại điện tử vào việc hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá quá trình vận hành kinh doanh của doanh nghiệp. - Đủ kiến thức và năng lực chuyên môn về kinh doanh thương mại điện tử để chủ động, tự tin đảm nhận những công việc được giao.	2 (1-1-0)	3
24	Kinh tế lượng	- Nắm vững kỹ thuật xây dựng, ước lượng, phân tích mô hình 1 phương trình. - Nắm vững kỹ thuật sử dụng biến giả trong việc phân tích tác động của biến định tính đối với biến định lượng; và các kiến thức cơ bản về khuyết tật của mô hình hồi quy 1 phương trình đơn giản. - Vận dụng mô hình để dự báo khi biết giá trị của biến độc lập nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động kinh tế, kinh doanh. - Có khả năng giải quyết các bài toán kinh tế thông qua việc xây dựng mô hình kinh tế lượng và ứng dụng mô hình nhằm phân tích, dự báo để đưa ra các quyết định trong kinh tế và kinh doanh. - Có khả năng sử dụng một phần mềm chuyên dụng về thống kê và kinh tế lượng: EVIEWS, SPSS ... - Có khả năng xây dựng, ước lượng, phân tích, đánh giá và dự báo về các hiện tượng kinh tế xã hội từ đó đưa ra được kết luận về các vấn đề kinh tế, chính sách của chính phủ	2 (1-1-0)	3
25	Kinh doanh quốc tế	- Nắm được vai trò của hoạt động kinh doanh quốc tế đối với doanh nghiệp, các yếu tố môi trường có ảnh hưởng	2 (1-1-0)	3

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp; loại hình chiến lược kinh doanh quốc tế, các nguyên tắc của chính sách thương mại quốc tế, các công cụ mà nhà nước sử dụng để điều tiết hoạt động ngoại thương; đầu tư nước ngoài: đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp và tín dụng tư nhân quốc tế và các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế - Vận dụng các công cụ mà nhà nước sử dụng tác động đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp; các hoạt động đầu tư nước ngoài và mức độ mà doanh nghiệp có thể can thiệp được vào hoạt động đầu tư nước ngoài. - Có khả năng tính toán và đánh giá tác động của các công cụ mà nhà nước sử dụng để điều tiết hoạt động ngoại thương như thuế, hạn ngạch, trợ cấp - Có khả năng xem xét, phân tích, đánh giá và xử lý những nội dung liên quan đến các hoạt động ngoại thương, đầu tư nước ngoài của doanh nghiệp. - Đánh giá, nhận xét được những ảnh hưởng của các nhân tố môi trường kinh tế, chính trị luật pháp, văn hóa đối với hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp. - Có khả năng xác định chiến lược tiếp cận thị trường và tổ chức hoạt động kinh doanh quốc tế		
26	Thống kê doanh nghiệp	- Nắm được các nội dung của hoạt động thống kê trong doanh nghiệp như thống kê về kết quả hoạt động, về lao động tiền lương, về giá thành; các chỉ tiêu của thống kê doanh nghiệp và cách tính các chỉ tiêu kết quả, chỉ tiêu giá thành, chỉ tiêu về lao động tiền lương, chỉ tiêu về tài sản cố định. - Vận dụng các chỉ tiêu thống kê đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp. - Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá và xử lý những vấn đề nảy sinh về hoạt động sản xuất kinh doanh trong quá trình điều hành doanh nghiệp. - Có khả năng sử dụng các kỹ thuật, công cụ để chẩn đoán, phân tích và ra quyết định liên quan đến số lượng sản phẩm hoặc dịch vụ cung ứng, giá thành sản phẩm, năng suất lao động ... - Có khả năng ra quyết định liên quan tới các vấn đề về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể dựa trên các kết quả điều tra, phân tích thống kê	2 (1-1-0)	4

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
2.3 Kiến thức ngành				
27	Quản trị nguồn nhân lực	- Hiểu được các nội dung của hoạt động nhân sự trong doanh nghiệp như hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá thực hiện công việc, lương bổng và đãi ngộ, quan hệ lao động. - Vận dụng để hoạch định nguồn nhân lực, lên kế hoạch và triển khai tuyển dụng nhân viên, lên chương trình đào tạo nguồn nhân lực, triển khai đánh giá và xây dựng hệ thống lương cho người lao động trong doanh nghiệp. - Có khả năng vận dụng các kiến thức về quản trị nhân lực vào việc xây dựng các bản mô tả công việc cho từng vị trí chức danh, chương trình đào tạo nhân viên, đánh giá nhân viên, xây dựng chính sách lương bổng và đãi ngộ cụ thể cũng như cách giải quyết các mối quan hệ lao động. Biết ra quyết định tốt nhất liên quan tới các vấn đề về người lao động trong doanh nghiệp. - Có khả năng ứng dụng các phương pháp quản lý nhân sự vào việc giải quyết các tình huống cụ thể của đơn vị - Vận dụng thành thạo các kỹ thuật, công cụ để chẩn đoán, phân tích và ra quyết định với các tình huống nhân sự.	3 (2-1-0)	4
28	Quản trị tài chính doanh nghiệp	- Nắm rõ quy trình, phương pháp lập kế hoạch tài chính; phân tích báo cáo tài chính; tổ chức thống kê hoạt động kinh doanh; - Hiểu được cách doanh nghiệp huy động và sử dụng vốn như thế nào, các rủi ro cũng như các loại đòn bẩy mà doanh nghiệp sử dụng trong quá trình hoạt động. - Vận dụng được các mô hình quản trị tài sản ngắn hạn như mô hình quản trị tiền mặt, quản trị hàng tồn kho và quản trị các khoản phải thu trong quản trị tài chính ở doanh nghiệp. - Vận dụng được các phương pháp tính chu kỳ kinh doanh và chu kỳ tiền mặt trong quản trị doanh nghiệp. - Vận dụng các quy định của pháp luật thuế trong các hoạt động kinh doanh. - Có khả năng lập kế hoạch tài chính, xác định số dư tiền mặt tối thiểu, mức hàng tồn kho, số lần đặt hàng, thời gian đặt hàng và số lượng đặt hàng mỗi lần. - Có khả năng đánh giá hiệu quả tài chính, lựa chọn cơ cấu vốn tối ưu, xây dựng các phương án tài chính cho doanh nghiệp. - Có khả năng làm việc nhóm - Tham gia vào việc quyết định mức dự trữ tiền mặt, quản	3 (2-1-0)	4

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		trị hàng tồn kho, quản trị tài sản ngắn hạn, dài hạn. - Có khả năng tự học tập, bồi dưỡng, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để không ngừng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp. - Có khả năng tổng hợp, lập kế hoạch và đưa ra những kết luận chuyên môn liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp.		
29	Quản lý chất lượng	- Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, hỏi đáp, tranh luận - Có kỹ năng tính toán, phân tích, lập kế hoạch, tổ chức, kiểm soát và cải tiến chất lượng - Phân tích, đánh giá tác động của môi trường hoạt động quản trị chất lượng của doanh nghiệp. - Phân tích và vận dụng các công cụ quản lý chất lượng trong thực tiễn - Có khả năng quan sát, mô tả lại quá trình quản lý chất lượng của một doanh nghiệp - Vận dụng lý luận để giải quyết các tình huống Quản trị chất lượng của doanh nghiệp - Đưa ra đề xuất về công cụ chất lượng phù hợp cho tình huống của doanh nghiệp - Phân tích, nhận định và trình bày quan điểm cũng như đề xuất giải pháp về quản trị chất lượng cho một doanh nghiệp cụ thể. - Có đạo đức, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật	3 (2-1-0)	5
30	Quản trị tác nghiệp	- Hiểu được khái niệm, mục tiêu, vai trò của quản trị sản xuất và tác nghiệp trong doanh nghiệp; mối quan hệ với các chức năng quản trị khác; các nội dung của hoạt động quản trị sản xuất tác nghiệp như: dự báo nhu cầu sản phẩm, thiết kế sản phẩm dịch vụ, lựa chọn quá trình sản xuất, hoạch định công suất, định vị doanh nghiệp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu... - Vận dụng các phương pháp để tiến hành dự báo nhu cầu sản phẩm, lựa chọn quá trình sản xuất. - Vận dụng kỹ thuật, công cụ để xây dựng các phương án về công suất, định vị doanh nghiệp, lập lịch trình sản xuất, bố trí mặt bằng sản xuất trong doanh nghiệp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, điều độ sản xuất, quản trị hàng dự trữ...cho một doanh nghiệp. - Có khả năng thu thập, tổng hợp dữ liệu/thông tin, phân tích để đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động sản	3 (2-1-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		xuất và tác nghiệp của doanh nghiệp như: dự báo nhu cầu, thiết kế sản phẩm - Có khả năng thực hiện được các công việc phục vụ hoạt động quản trị sản xuất của doanh nghiệp: xây dựng các Phương án công suất, Phương án định vị, Lập được Lịch trình sản xuất, Bảng tổng hợp nhu cầu nguyên vật liệu, Xác định được mức đặt hàng tối ưu... - Có khả năng tổ chức và vận hành một hoạt động trong quá trình sản xuất sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ theo yêu cầu của doanh nghiệp - Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng dịch vụ. - Có khả năng vận dụng các kiến thức về quản trị sản xuất và tác nghiệp vào việc hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá quá trình vận hành sản xuất và tác nghiệp của doanh nghiệp hoặc đưa ra sáng kiến cải tiến quá trình sản xuất tại doanh nghiệp. Có đạo đức, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật		
31	Tiếng anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	- Vận dụng được từ vựng và những mẫu câu nói thích hợp để giao tiếp hữu hiệu, hình thành phản xạ nói nhanh chóng trong các tình huống giao tiếp trong ngành Quản trị kinh doanh và có khả năng làm người khác hiểu được mình khi giao tiếp bằng lời nói; - Hiểu cơ bản các hoạt động và quy trình làm việc trong ngành Quản trị kinh doanh (ví dụ: bộ phận Marketing, Sản xuất, Chiến lược, Nhân sự) - Đọc và hiểu điều khoản và nội dung của các loại hợp đồng cơ bản (hợp đồng lao động, hợp đồng mua bán) - Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình trước đám đông. - Kỹ năng tự học và nghiên cứu về nội dung học, ứng dụng thực tế. - Kỹ năng dịch và đọc hiểu các bài đọc chuyên ngành Quản trị kinh doanh - Kỹ năng sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học để áp dụng trong công việc - Vận dụng thành thạo các kỹ thuật, công cụ để chẩn đoán, phân tích và ra quyết định với các tình huống liên quan	3 (2-1-0)	5
32	Quản trị rủi ro	- Hiểu được các nội dung của quá trình quản trị rủi ro như: Nhận dạng rủi ro, phân tích và đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, tài trợ rủi ro. - Sinh viên biết vận dụng kiến thức để nhận biết các loại rủi ro phát sinh trong doanh nghiệp.	2 (1-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Biết vận dụng một số kỹ thuật đo lường và đánh giá rủi ro bằng phương pháp định tính và định lượng. - Vận dụng để phân tích một số rủi ro đặc thù trong doanh nghiệp và đưa ra các biện pháp kiểm soát, tài trợ cho rủi ro đó. - Có khả năng thu thập thông tin, phân tích, đo lường và đánh giá các rủi ro có thể xảy ra đối với doanh nghiệp, tổ chức. - Có khả năng xây dựng các giải pháp để kiểm soát và tài trợ các rủi ro đặc thù trong doanh nghiệp một cách khoa học - Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm, phân tích, truyền đạt, giải quyết vấn đề liên quan đến rủi ro trong tổ chức. - Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong việc nhận diện các rủi ro và đề xuất biện pháp kiểm soát, tài trợ rủi ro trong hoạt động của doanh nghiệp. - Có khả năng hướng dẫn, giám sát công việc của các cá nhân, bộ phận trong tổ chức nhằm giảm rủi ro phát sinh trong quá trình làm việc.		
33	Quản trị Marketing	- Hiểu được các khái niệm cốt lõi của marketing (nhu cầu, mong muốn, yêu cầu, trao đổi, thị trường, sự hài lòng, chi phí,...) - Phân biệt được thị trường người tiêu dùng và thị trường KH tổ chức, các khái niệm về kế hoạch marketing, sản phẩm, giá cả, phân phối, trung gian thương mại, các công cụ truyền thông tích hợp,... - Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra các quyết định cơ bản về sản phẩm, giá, kênh phân phối và truyền thông marketing; các phương pháp kiểm tra, đánh giá hoạt động marketing. - Có khả năng tiến hành các hoạt động sơ bộ nhằm nghiên cứu nhu cầu khách hàng - Có khả năng phân tích và lập kế hoạch marketing cho một doanh nghiệp/sản phẩm cụ thể; xây dựng kế hoạch marketing cho sản phẩm mới - Có khả năng xác định giá bán, thiết lập kênh phân phối và bán hàng cho sản phẩm - Có khả năng lập kế hoạch sử dụng và phối hợp các công cụ truyền thông trên thực tế - Có khả năng phân tích và xử lý tình huống với những tình huống về quản trị marketing - Có khả năng quan sát, mô tả lại quá trình ra quyết định	2 (1-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		mua của người tiêu dùng, các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua. - Có thể phân tích những tình huống mua cụ thể, các chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối của một số doanh nghiệp trên thực tế - Có khả năng vận dụng kiến thức để lập kế hoạch marketing cho một sản phẩm mới, một kế hoạch truyền thông của doanh nghiệp - Có thể nhận xét, phân tích, phân biện và đưa ra ý kiến cá nhân trong một số tình huống marketing của các doanh nghiệp (thông qua ví dụ thực tế)		
34	Quản lý dự án	- Hiểu rõ các đối tượng chủ yếu tham gia dự án, yêu cầu, chức năng của người quản lý dự án, các phương pháp quản lý ứng dụng trong QLDA, nội dung của quản lý thời gian, tiến độ, phân phối nguồn lực và quản lý chi phí dự án; - Vận dụng được những kiến thức được học để quản lý dự án đạt các mục tiêu đề ra - Có khả năng tham gia quản lý về chất lượng, chi phí, thời gian hay rủi ro của các dự án; - Có kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề. - Có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc; - Có khả năng lập kế hoạch, phân phối nguồn lực mang lại hiệu quả cao nhất cho dự án	2 (1-1-0)	6
35	Quản trị doanh nghiệp	- Nắm được những thay đổi gần đây trong hoạt động quản lý - Nắm được các thách thức về quản lý trong môi trường toàn cầu - Tái hiện lại sự phát triển tư duy quản lý - Vận dụng được cách thức quản lý hiệu quả sự đa dạng trong tổ chức về chủng tộc, tôn giáo, nền tảng kinh tế xã hội của người lao động - Vận dụng được sự thay đổi môi trường toàn cầu và tác động đến tổ chức - Vận dụng được các chiến lược, cách thức cải thiện đổi mới hiệu quả - Có khả năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc trong tổ chức. - Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp bằng văn bản hoặc các phương tiện truyền tin khác tới các cá nhân	2 (1-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		và tổ chức tại nơi làm việc. - Có khả năng giải quyết một vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp; - Hiểu biết, xác định và lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp với định hướng doanh nghiệp; - Có khả năng nhận diện thách thức từ môi trường kinh doanh và đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp Năng lực tự chủ và trách nhiệm: - Nhận diện những thách thức, thay đổi trong môi trường kinh doanh nói chung, hoạt động quản lý nói riêng. - Có khả năng quản lý một lực lượng lao động đa dạng - Nắm bắt và thực hiện được cách thức trao quyền và chuyển giao nguồn lực trong tổ chức - Có khả năng phân tích, lựa chọn, ứng dụng các mô hình lãnh đạo phù hợp với thực tiễn Phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp, xã hội: - Hiểu được bản chất của đạo đức; hình thành và phát triển các đức tính cá nhân như sẵn sàng đương đầu với khó khăn, áp lực; nhiệt tình, đổi mới sáng tạo.		
36	Hệ thống thông tin quản lý	- Nắm được các khái niệm về hệ thống thông tin quản lý và các thuật ngữ liên quan, vai trò và tác động, các thành phần cơ bản, xu hướng phát triển của hệ thống thông tin - Phân tích được sự khác nhau giữa các hệ thống thông tin cấp chuyên gia và cấp chức năng - Nắm được các Kỹ thuật thiết kế cơ sở dữ liệu, hương pháp xây dựng và phát triển hệ thống thông tin - Vận dụng phát triển hệ thống thông tin trong doanh nghiệp hỗ trợ việc ra quyết định - Có khả năng quan sát, mô tả hệ thống thông tin của doanh nghiệp - Có khả năng thiết kế hệ thống thông tin trong doanh nghiệp thông qua các bài tập, dự án mô phỏng - Có khả năng triển khai, quản trị và kiểm soát các hệ thống thông tin để đáp ứng các yêu cầu quản lý - Có khả năng kiểm tra, đánh giá các mô hình hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.	2 (1-1-0)	7
37	Khởi nghiệp	- Hiểu môi trường kinh doanh xung quanh, những tố chất và kỹ năng cần có của các nhà khởi sự để tìm ra các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh - Hiểu được môi trường xung quanh như: môi trường vĩ mô, môi trường ngành, môi trường trong nội bộ các doanh nghiệp trên thị trường.	2 (1-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Hiểu và nắm được các kiến thức, tổ chức cũng như kỹ năng cần có của các nhà khởi sự doanh nghiệp - Tìm ra các ý tưởng cũng như các cơ hội kinh doanh tồn tại xung quanh chúng ta. - Hiểu về quy trình lựa chọn, đánh giá các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh, hiểu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh khởi sự. - Người học hiểu được qui trình từ khi phát sinh ý tưởng đến khi ý tưởng biến thành các cơ hội - Hiểu qui trình chọn lựa các cơ hội đó để hiện thực hóa các cơ hội kinh doanh - Hiểu và sử dụng các phương pháp, công cụ phân tích, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh - Hiểu được các nội dung cơ bản của một bản kế hoạch kinh doanh tóm tắt và chi tiết - Triển khai các hoạt động - Lựa chọn hình thức và tạo lập doanh nghiệp - Tiến hành kinh doanh thử trong thực tế - Có kỹ năng phân tích và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, biến những ý tưởng kinh doanh đó thành những cơ hội kinh doanh thực sự, từ đó lập kế hoạch khởi sự và bắt đầu tiến hành kinh doanh; - Có kỹ năng trình bày và bảo vệ một dự án kinh doanh. - Hiểu môi trường kinh doanh, những tố chất và kỹ năng cần có của các nhà khởi sự để tìm ra các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh; - Hiểu về quy trình lựa chọn, đánh giá các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh, hiểu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh khởi sự. Áp dụng vào trong hoạt động kinh doanh thực tiễn của mình (Hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh)		
38	Kế toán quản trị	- Hiểu được vai trò, các thuật ngữ của kế toán quản trị, phương pháp hạch toán và phân loại chi phí, tính điểm hòa vốn, lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu, phân tích CVP - Ứng dụng hệ thống hạch toán chi phí theo hoạt động và sử dụng thông tin chi phí theo hoạt động để cải thiện hoạt động của doanh nghiệp. - Vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản trị doanh nghiệp, khả năng sử dụng thông tin để ra quyết định trong các tình huống cụ thể. - Có khả năng tổ chức, sử dụng thông tin phù hợp để ra quyết định trong một số tình huống cụ thể.	3 (2-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Có khả năng lập kế hoạch, dự toán cho một doanh nghiệp. - Có khả năng thiết kế các tiêu chí để đánh giá và khuyến khích các hoạt động hiệu quả trong doanh nghiệp và tổ chức. - Kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp với đồng nghiệp và bộ phận trong tổ chức. - Có khả năng lựa chọn hệ thống hạch toán chi phí cho các loại hình doanh nghiệp sản xuất khác nhau. - Có khả năng sử dụng thông tin kế toán để ra các quyết định về cơ cấu chi phí, giá bán, quyết định tiếp tục hay ngừng sản xuất. - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi, khả năng tự học tập, bồi dưỡng, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để không ngừng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn kế toán, tài chính. - Có khả năng tổng hợp và đưa ra những kết luận chuyên môn liên quan đến sử dụng thông tin để ra quyết định quản trị trong doanh nghiệp.		
39	Quản trị chiến lược	- Nắm được khái niệm, vai trò, đặc trưng của quản trị chiến lược trong tổ chức và mối quan hệ với các chức năng quản trị khác; các bước của quá trình quản trị chiến lược; các nội dung của lợi thế cạnh tranh, năng lực cạnh tranh và cách tạo lợi thế cạnh tranh; các chiến lược cơ bản; các mô hình, công cụ để hoạch định chiến lược. - Vận dụng được các kiến thức của học phần vào việc phân biệt, phân tích, tổng hợp, đánh giá ưu nhược điểm, và điều kiện áp dụng các loại chiến lược cơ bản trong doanh nghiệp. - Vận dụng những kiến thức của học phần vào quá trình đưa ra các quyết định liên quan tới các hoạt động về hoạch định chiến lược. - Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh, có cái nhìn bao quát, hệ thống - Có khả năng đánh giá xu thế ngành nghề kinh doanh, lên ý tưởng kinh doanh hoặc phân tích danh mục đầu tư. - Có khả năng đề xuất chiến lược hoặc điều chỉnh chiến lược cho một doanh nghiệp thực tế - Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin, số liệu liên quan tới việc phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh; xu thế ngành nghề kinh doanh, lên ý tưởng kinh	3 (2-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		doanh hoặc phân tích danh mục đầu tư. - Sử dụng hiệu quả các lý thuyết, quy trình, công cụ hỗ trợ trong việc đưa ra các quyết định, giải quyết công việc. - Có khả năng nhận diện, xác định và giải quyết một số vấn đề cơ bản trong công tác xây dựng và điều chỉnh chiến lược cho một doanh nghiệp thực tế - Có khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua thuyết trình, thảo luận, đàm phán.		
40	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	- Hiểu rõ khái niệm, vai trò, mục tiêu của quản trị logistics và quản trị chuỗi cung ứng - Nắm được quá trình phát triển và xu hướng của khoa học quản trị logistics và chuỗi cung ứng - Vận dụng được các quyết định logistics, hoạt động điều hành chuỗi cung ứng chủ yếu: quyết định về vận tải, dự trữ, mua và cung ứng; các hình thức tổ chức và kiểm soát hậu cần, cách thức đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng - Vận dụng được các đặc điểm của sản phẩm logistics, bao gói sản phẩm, định giá sản phẩm và dịch vụ khách hàng logistics - Nhận thức được vai trò của quản trị logistics và chuỗi cung ứng đối với doanh nghiệp, các bên liên quan - Hiểu được nội dung, nhiệm vụ của quản trị logistics và chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp - Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá và xử lý những vấn đề nảy sinh trong quá trình vận hành của doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng - Có khả năng sử dụng thành thạo các kỹ thuật, công cụ để chẩn đoán, phân tích và cải tiến các hoạt động thuộc lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng	3 (2-1-0)	7
2.4 Kiến thức tự chọn				
42	Lý thuyết tổ chức	- Nắm được Khái niệm tổ chức, Khái niệm nhà quản trị tổ chức, Các loại mục tiêu của tổ chức - Nắm được Cơ sở xác định cấu trúc tổ chức - Nắm được Khái niệm, phân loại các loại môi trường bên ngoài tác động đến tổ chức, mạng lưới tổ chức, Đặc điểm của tổ chức có quy mô lớn, Đặc điểm của tổ chức có quy mô nhỏ - Hiểu được Quan điểm tiếp cận tổ chức, Sự phát triển của các lý thuyết tổ chức. - Hiểu rõ Mối quan hệ giữa chiến lược và thiết kế tổ chức, Phương pháp đánh giá hiệu quả tổ chức - Phân biệt Các mô hình cấu trúc tổ chức – Điểm mạnh và	2 (1-1-0)	4

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		điểm yếu, Quy trình thiết kế tổ chức - Có kỹ năng vận dụng lý luận và phương pháp quản trị để giải quyết các tình huống quản trị. - Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá một số loại cấu trúc tổ chức hiện nay - Phân tích, đánh giá các mô hình cơ cấu tổ chức cụ thể - Phân tích, đánh giá sự phụ thuộc của tổ chức với môi trường bên ngoài và sự tác động của môi trường bên ngoài vào tổ chức. - Phân tích, đánh giá được xu hướng thay đổi về quan hệ giữa các tổ chức hiện nay: sự hợp tác, thể chế, nhân khẩu - Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các vấn đề về tổ chức và quản trị tổ chức; kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề thiết kế và quản trị tổ chức - Có khả năng quan sát, mô tả lại mô hình, cơ cấu tổ chức của các doanh nghiệp - Có kỹ năng cơ bản về việc phân tích và đánh giá môi trường của tổ chức, thiết kế cấu tổ chức đánh giá công nghệ sản xuất, công nghệ dịch trong tổ chức, quy mô và giai đoạn phát triển của tổ chức... - Vận dụng thành thạo các kỹ thuật, công cụ để chẩn đoán, phân tích và cải tiến mô hình tổ chức tại doanh nghiệp - Áp dụng lý thuyết học được vào thực tế thiết kế tổ chức, quản lý doanh nghiệp thông qua các bài tập - dự án thực tế		
43	Phát triển kỹ năng quản trị	- Hiểu được tầm quan trọng của các kỹ năng quản trị; - Vận dụng được các kiến thức về nhận thức bản thân, quản trị cảm xúc, quản trị xung đột, làm việc nhóm, tạo động lực, quản trị thời gian và quản trị sự thay đổi giải quyết các tình huống trong thực tế - Có kỹ năng thiết lập các tiêu chí đánh giá bản thân; xây dựng được hồ sơ ứng tuyển ấn tượng và ứng xử phù hợp với nhà tuyển dụng; - Có khả năng tạo động lực cho bản thân và người khác; quản trị được cảm xúc, xung đột trong quá trình làm việc và trong cuộc sống; - Có kỹ năng giao tiếp và hợp tác tốt với đồng nghiệp trong quá trình làm việc, đàm phán với đối tác trong công việc; - Biết cách thích nghi với sự thay đổi; có khả năng suy nghĩ và làm việc độc lập, sáng tạo để nâng cao hiệu quả công việc.	2 (1-1-0)	4

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
44	Kinh tế quản lý	- Hiểu được các kiến thức về, xác suất thống kê, tin học vào việc tính toán, mô phỏng, ước lượng và phân tích hàm cầu, hàm cung và các hàm chi phí. - Vận dụng các qui tắc xác định; các loại độ co giãn của cầu và cung theo các yếu tố có liên quan; qui tắc xác định các loại chi phí và các đầu vào tối ưu trong các mô hình cực đại lợi nhuận, cực đại sản lượng, cực tiểu chi phí. - Vận dụng các qui tắc xác định sản lượng tối ưu trong các cấu trúc thị trường khác nhau cũng như các loại phân biệt giá và định giá độc quyền tinh vi. - Có Kỹ năng ứng dụng các kiến thức vào thực tiễn công tác lập kế hoạch như các nghiệp vụ xác định đầu vào và đầu ra tối ưu, các kỹ thuật phân biệt giá và định giá độc quyền tinh vi. - Có kỹ năng làm việc nhóm khi thực hiện bài tập lớn và viết tiểu luận. - Sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại, phần mềm chuyên dụng (Microsoft Office, Excel, EVIEW, Email) trong phân tích hồi qui.	3 (2-1-0)	5
45	Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế	- Nắm được khái niệm, nội dung, vai trò và mối quan hệ của thương mại quốc tế với các lĩnh vực khác, các lý thuyết về thương mại quốc tế, các nguyên tắc cơ bản và các trường hợp ngoại lệ của nguyên tắc cơ bản trong quan hệ kinh tế quốc tế, các công cụ chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế, khái niệm, đặc trưng của liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế và các loại hình liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế, khái niệm, nội dung, vai trò và mối quan hệ của thương mại quốc tế với các lĩnh vực khác; các lý thuyết về thương mại quốc tế, các nguyên tắc cơ bản và các trường hợp ngoại lệ của nguyên tắc cơ bản trong quan hệ kinh tế quốc tế, các công cụ chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế, khái niệm, đặc trưng của liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế và các loại hình liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế - Hiểu rõ: các công cụ chủ yếu trong chính sách xuất khẩu, nhập khẩu và phân tích được tác động của chúng đến các chủ thể có liên quan, các xu thế tự do hóa thương mại và xu hướng bảo hộ mậu dịch trong chính sách thương mại quốc tế. - Phân tích được mối quan hệ của xu hướng bảo hộ mậu dịch và tự do hóa thương mại trong chính sách thương mại quốc tế; liên hệ thực tiễn ở Việt Nam	2 (1-1-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- So sánh đánh giá thực tiễn áp dụng các công cụ quản lý xuất nhập khẩu tại Việt Nam - Đánh giá được tiến trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, tình hình của Việt Nam tham gia vào WTO; những cơ hội và thách thức.		
46	Thị trường chứng khoán	- Hiểu về vai trò, ý nghĩa cũng như những chức năng, quy chế hoạt động cũng như những yêu cầu đòi hỏi từ phía pháp luật đối với các thành viên của công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư chứng khoán. - Nắm được các nguyên tắc, phương pháp, quy trình chung cần áp dụng trong hoạt động đầu tư tài chính. - Vận dụng được các kiến thức của học phần vào việc phân tích, tổng hợp và giải thích hành vi, thái độ của các đối tượng có liên quan trên thị trường tài chính. - Vận dụng những kiến thức của học phần giải thích được các hiện tượng liên quan tới sự vận động của thị trường tài chính và hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh tế. - Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả thông qua thuyết trình, thảo luận, đàm phán. - Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin, số liệu liên quan tới sự biến động của giá chứng khoán trên thị trường chứng khoán. - Có khả năng sử dụng hiệu quả các lý thuyết, quy trình, công cụ hỗ trợ trong việc phân tích và đưa ra các quyết định về đầu tư tài chính trên thị trường tài chính, chứng khoán.	2 (1-1-0)	6
47	Quản lý nhà nước về kinh tế	- Vận dụng được kiến thức để phân tích, đánh giá các nội dung, vấn đề trong quản lý nhà nước về kinh tế. - Có khả năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề chuyên môn trong quản lý kinh tế; - Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng chuyển tải, phổ biến kiến thức. - Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân khi phân tích đánh giá các vấn đề quản lý kinh tế	2 (1-1-0)	6
48	Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong kinh doanh	- Hiểu được các kiến thức về các mô hình tối ưu trong toán kinh tế, xác suất thống kê, tin học vào việc tính toán, mô phỏng các bài toán cực đại lợi nhuận, cực đại sản lượng, cực tiểu chi phí có điều kiện; mô hình trò chơi cực đại lợi ích với điều kiện đối thủ cũng làm như vậy.	2 (1-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Phân tích các quyết định chiến lược trong cấu trúc thị trường độc quyền nhóm và trạng thái cân bằng, cân bằng trội và cân bằng Nash; mô hình trò chơi tĩnh với thông tin đầy đủ. - Vận dụng các qui tắc xác định sản lượng tối ưu trong mô hình Cournot các qui tắc xác định giá tối ưu trong mô hình Bertrand. - Có khả năng ứng dụng các kiến thức vào thực tiễn công tác xây dựng chiến lược kinh doanh. - Có Kỹ năng tư duy chiến lược.		
49	Văn hóa doanh nghiệp	- Nắm chắc bản chất về đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và văn hoá doanh nghiệp; Hiểu sâu về các thành phần trong chương trình đạo đức kinh doanh và các nguyên tắc hoạt động của chương trình đạo đức kinh doanh; Nắm chắc được cấu trúc của văn hóa doanh nghiệp; Hiểu rõ các nhân tố tạo lập nên văn hóa doanh nghiệp; Nắm rõ được các dạng văn hóa trong doanh nghiệp. - Vận dụng được các kiến thức của học phần vào việc phân tích, tổng hợp và giải thích hành vi, thái độ của các đối tượng có liên quan và giải thích được các hiện tượng liên quan tới các chuẩn mực đạo đức và văn hoá doanh nghiệp. - Vận dụng những kiến thức của học phần vào quá trình đưa ra các quyết định liên quan tới các hoạt động về xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp. - Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin, số liệu liên quan tới việc giải quyết các vấn đề đạo đức nảy sinh, các tình huống cụ thể của đơn vị. - Sử dụng hiệu quả các lý thuyết, quy trình, công cụ hỗ trợ trong việc đưa ra các quyết định, giải quyết công việc. - Có khả năng nhận diện, xác định và giải quyết một số vấn đề cơ bản trong công tác xây dựng và triển khai chương trình đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp, xây dựng các nội dung cơ bản hình thành văn hóa doanh nghiệp trong tổ chức. - Có khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua thuyết trình, thảo luận, đàm phán. - Có khả năng quan sát, phân tích đánh giá đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp của tổ chức. - Có khả năng vận dụng các kiến thức về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp vào việc hình thành ý	2 (1-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		tương, thiết kế, thực hiện và đánh giá hệ thống chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp và các đặc trưng văn hóa của một tổ chức cụ thể. - Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm với công việc, cộng đồng và xã hội		
2.5 Thực tập và học phần tốt nghiệp				
1	Thực tập ngành Quản trị kinh doanh	- Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh trong việc phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó giúp sinh viên định hướng phục vụ cho việc làm khóa luận tốt nghiệp cũng như công việc cụ thể sau khi ra trường. - Có kỹ năng tiếp cận, phân tích và xử lý độc lập các vấn đề kinh doanh và quản lý (như: tài chính, marketing, quản lý sản xuất, quản trị chiến lược...). - Có kỹ năng nghiên cứu định tính và định lượng độc lập và sáng tạo. - Có thể mô tả được sơ đồ tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, lĩnh vực hoạt động, quá trình tạo ra sản phẩm và cung ứng dịch vụ của đơn vị thực tập. - Nhận diện sơ bộ các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của đơn vị thực tập. - Chấp hành tốt quy chế làm việc tại đơn vị thực tập. - Báo cáo thực tập Ngành là sản phẩm của chính người học, các trích dẫn được thực hiện đúng quy định và phản ánh đúng hiện trạng đang diễn ra tại doanh nghiệp	3 (1-0-2)	8
2	Khóa luận tốt nghiệp	+ Có khả năng xác định đề tài, phạm vi nghiên cứu phù hợp với thực tiễn tại doanh nghiệp thực tập và yêu cầu đối với khóa luận tốt nghiệp ở bậc đại học + Thiết lập được mục tiêu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra + Thiết kế được bảng câu hỏi để thu thập tài liệu, số liệu phục vụ làm KLTN. + Có kỹ năng diễn đạt logic, súc tích thông qua phân tích, tổng hợp, diễn giải số liệu thu thập được + Biết cách trích dẫn, diễn giải nội dung và xây dựng tài liệu tham khảo theo quy định. + Có khả năng làm việc độc lập, hoặc theo nhóm để thảo luận, giải quyết các vấn đề phát sinh trong khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp. + Có khả năng thuyết trình trước đám đông. + Thể hiện được cấu trúc của một khóa luận tốt nghiệp, quy trình tiến hành.	7 (1-0-6)	8

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		+ Biết cách triển khai khóa luận tốt nghiệp với ý tưởng và văn phong học thuật phù hợp cùng với bảng, biểu cần thiết theo yêu cầu đặt ra. + Đảm bảo sự trung thực khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp.		
2.6 Kiến thức chuyên ngành				
2.6.1 Quản trị kinh doanh quốc tế				
50	Pháp luật kinh doanh quốc tế	- Hiểu và trình bày được khái niệm và đặc trưng của hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh quốc tế; các hình thức pháp luật (nguồn pháp luật) được áp dụng trong hoạt động kinh doanh quốc tế; các đặc trưng của các loại hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế (mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và đầu tư quốc tế); - Giải thích được khái niệm và đặc trưng của các dạng hợp đồng trong kinh doanh quốc tế cũng như các quy định của các nguồn luật điều chỉnh nội dung của các hợp đồng này - Vận dụng được trình tự giao kết hợp đồng và hiểu được ý nghĩa của các điều khoản trong một hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cũng như các hợp đồng liên quan đến hoạt động đầu tư quốc tế để áp dụng vào thực tiễn doanh nghiệp. - Vận dụng được các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế khi có tình huống tranh chấp xảy ra. - Có khả năng thành lập, tổ chức và vận hành các nhóm làm việc theo yêu cầu. - Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp bằng văn bản hoặc các phương tiện truyền tin khác tới các cá nhân và tổ chức tại nơi làm việc. - Có kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu/thông tin để giải quyết vấn đề hoặc ra quyết định liên quan đến môi trường pháp luật của doanh nghiệp. - Phân tích, bình luận được tính hợp lý của các hợp đồng kinh doanh quốc tế - Vận dụng lý thuyết để phân tích các tình huống tranh chấp và ứng dụng linh hoạt các kiến thức về pháp luật trong kinh doanh quốc tế - Phân tích, đánh giá được tính chất của mỗi phương thức giải quyết tranh chấp và đề xuất được các phương thức giải quyết phù hợp với mỗi tình huống tranh chấp - Soạn thảo được các nội dung cơ bản của hợp đồng thương mại quốc tế.	3 (2-1-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện thay đổi về môi trường pháp luật liên quan đến doanh nghiệp và nhận thức được trách nhiệm cá nhân và đối với những nhiệm vụ được giao trước nhóm và tổ chức. - Có khả năng vận dụng các kiến thức để phát huy tối ưu các kỹ năng phân tích và thích ứng với những sự thay đổi của môi trường pháp luật để từ đó hướng dẫn, giám sát người khác. - Có khả năng vận dụng những kiến thức về pháp luật kinh doanh trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế để tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Có đạo đức, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật.		
51	Marketing quốc tế	- Hiểu rõ những kiến thức cơ bản của hoạt động marketing trên thị trường quốc tế. Nhận biết được các quan điểm khác nhau về nền kinh tế toàn cầu cũng như thực tiễn marketing quốc tế đương thời - Tư duy logic, tìm kiếm và tổng hợp tài liệu, thu thập, phân tích và xử lý thông tin thu thập được, phát hiện các vấn đề tương quan trong quá trình lên kế hoạch marketing. - Có khả năng phân tích các tình huống marketing quốc tế, nhận biết được sự phức tạp của các yếu tố văn hóa và các yếu tố môi trường khác trên thị trường quốc tế và sự cần thiết chú ý đến các yếu tố văn hóa chính trị và pháp luật... khi đưa ra chiến lược marketing quốc tế - Vận dụng kiến thức về marketing quốc tế để nghiên cứu và lập nên kế hoạch marketing cho một sản phẩm cụ thể từ khâu hình thành ý tưởng đến ra các quyết định marketing cơ sở. - Kiên trì, có tư duy sáng tạo và tư duy phản biện khi nhìn nhận vấn đề trên bình diện rộng - Có khả năng làm việc độc lập, biết tổ chức và sắp xếp công việc	2 (1-1-0)	5
52	Giao dịch thương mại quốc tế	- Trình bày và mô tả được khái niệm, đặc điểm và các điều kiện thương mại của hợp đồng mua bán quốc tế, đặc trưng của các hợp đồng chuyên biệt trong thương mại quốc tế - Mô tả được quy trình nghiệp vụ, đặc điểm của các phương thức giao dịch cũng như nội dung các văn bản pháp lý điều chỉnh chúng - Nắm được chức năng và cách lập các chứng từ trong TMQT	3 (2-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Phân biệt, giải thích được các đặc trưng và vai trò của từng phương thức giao dịch phổ biến trong TMQT. - Giải thích và phân tích được ví dụ về các điều kiện giao dịch trong mua bán quốc tế - Hiểu và nắm vững được các bước trong quy trình và kỹ thuật cơ bản để triển khai một giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu thành công - Phân tích được ưu điểm, nhược điểm cũng như những rủi ro tiềm ẩn trong các phương thức giao dịch TMQT - Vận dụng lý thuyết đã học lập được các hợp đồng chuyên biệt trong TMQT - Lựa chọn các điều kiện thương mại và điều kiện giao dịch phù hợp trong hợp đồng mua bán quốc tế		
53	Logistics quốc tế	- Nắm được quá trình phát triển và xu hướng của khoa học logistics quốc tế. - Nắm vững kiến thức về logistics quốc tế - Hiểu biết và vận dụng nội dung của logistics quốc tế bao gồm: vận tải, giao nhận, bao bì đóng gói, bảo hiểm và hải quan trong hoạt động đảm bảo hàng hóa xuất nhập khẩu trong kinh doanh quốc tế. - Có khả năng vận dụng, ứng dụng các phương pháp quản lý vào việc giải quyết các tình huống cụ thể của doanh nghiệp thương mại xuất nhập khẩu cụ thể. - Nắm được những nguyên tắc quan trọng nhất để phát triển hoạt động quản trị kinh doanh thương mại quốc tế đối với doanh nghiệp. - Có khả năng vận dụng các kiến thức về quản trị kinh doanh thương mại quốc tế vào việc hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá quá trình vận hành kinh doanh của doanh nghiệp. - Có đủ kiến thức làm nền tảng cho sự học hỏi, phát triển bản thân để nhanh chóng hòa nhập và để liên tục sáng tạo. - Đủ năng lực hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được doanh nghiệp giao	3 (2-1-0)	6
54	Thanh toán quốc tế	- Hiểu rõ khái niệm, mục tiêu, vai trò của hoạt động thanh toán quốc tế đối với doanh nghiệp, các nội dung cơ bản liên quan đến hợp đồng ngoại thương và điều kiện cơ sở giao hàng; phương tiện thanh toán quốc tế; - Áp dụng được các phương thức, quy trình thanh toán quốc tế; bộ chứng từ trong thực tế các giao dịch thương mại quốc tế của doanh nghiệp - Có khả năng xem xét, phân tích, đánh giá và xử lý	2 (1-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		những tình huống phát triển liên quan đến các phương thức thanh toán - Đánh giá, nhận xét được ưu nhược điểm của các phương thức thanh toán\		
55	Quản trị tài chính quốc tế	- Hiểu được khía cạnh vi mô của tài chính quốc tế - Hiểu được nội dung hoạt động quản trị tài chính của các công ty xuyên quốc gia (TCNs) - Vận dụng được các kiến thức về Quản trị rủi ro hối đoái, quản trị vốn dài hạn, ngắn hạn tại các TCNs - Xử lý được các báo cáo kết quả kinh doanh, quản trị vốn, dòng tiền của các hoạt động xuyên quốc gia - Có khả năng áp dụng kiến thức về xử lý báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh để nghiên cứu các tình huống cụ thể tại các TCNs.	2 (1-1-0)	7
2.6.2 Quản trị Marketing				
56	Hành vi người tiêu dùng	- Hiểu được các khái niệm cơ bản nhất về hành vi người tiêu dùng và quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng - Lý giải được sự cần thiết của nghiên cứu hành vi người tiêu dùng, phân tích được các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng như các yếu tố cá nhân, gia đình, nhóm tham khảo, các yếu tố văn hóa,... - Nắm được từng bước cụ thể trong quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng và quy trình nghiên cứu marketing - Hiểu được động cơ, tâm lý, tính cách, thái độ của người tiêu dùng và vai trò của các yếu tố này trong việc nghiên cứu hành vi NTD. - Có thể phân tích được một tình huống mua cụ thể của người tiêu dùng đối với một sản phẩm nhất định. - Phân tích được những ảnh hưởng của hành vi người tiêu dùng lên chiến lược marketing của tổ chức. - Nắm được các nguyên tắc xây dựng bảng câu hỏi và thực hành xây dựng bảng câu hỏi sau đó tiến hành thu thập thông tin, xử lý và viết báo cáo. - Tham gia phân tích, thảo luận kết quả nghiên cứu. - Có khả năng đánh giá những ảnh hưởng của hành vi khách hàng tới các chiến lược marketing, có được những quyết định marketing có hiệu quả hơn. - Kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế chương trình, giao tiếp	3 (2-1-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		thông qua các hoạt động làm việc nhóm, thuyết trình - Giúp sinh viên có kỹ năng thiết lập, phân tích, đánh giá vấn đề marketing doanh nghiệp gặp phải thông qua lựa chọn tình huống, phân biện tình huống/báo cáo của các nhóm khác. - Phát triển kỹ năng thu thập số liệu, điều tra nghiên cứu, phỏng vấn khách hàng trong những bối cảnh cụ thể và viết báo cáo. - Có khả năng quan sát, lập luận, phân biện nhằm bảo vệ những phân tích rút ra trong quá trình thực hiện kế hoạch nghiên cứu. - Có thái độ nghiêm túc tích cực trong học tập thông qua việc phối hợp làm việc nhóm, tuân thủ nội quy lớp học và hăng hái phát biểu. - Có thể nhận xét, phân tích, phân biện và đưa ra ý kiến cá nhân trong một số tình huống marketing của các doanh nghiệp (thông qua ví dụ thực tế) - Có khả năng lập kế hoạch nghiên cứu, tổ chức, thực hiện, kiểm soát và có hoạt động điều chỉnh phù hợp - Có tư duy đúng đắn, phù hợp về công việc và nghề nghiệp marketing trong tương lai. - Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động của doanh nghiệp. - Sử dụng marketing đúng đắn trong mọi hoạt động kinh doanh và đời sống - Có tư duy đúng đắn, phù hợp về công việc và nghề nghiệp marketing, nghiên cứu thị trường trong tương lai. - Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động. - Tuân thủ nguyên tắc đạo đức trong việc thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu nghiên cứu.		
57	Quản trị bán hàng	-Hiểu và giải thích được các nguyên tắc và lý thuyết quản trị bán hàng hiện đại - Vận dụng được kiến thức về quản trị bán hàng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: hoạt động bán hàng, lập kế hoạch bán hàng, tổ chức lực lượng bán hàng, tuyển chọn, huấn luyện đào tạo, đánh giá và thù lao cho lực lượng bán hàng chuyên nghiệp... - Vận dụng được những nguyên tắc quan trọng nhất để phát triển hoạt động quản trị bán hàng đối với doanh nghiệp - Có khả năng vận dụng, ứng dụng các phương pháp quản	2 (1-1-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		lý vào việc giải quyết các quá trình tổ chức hoạt động bán hàng của doanh nghiệp. - Có khả năng làm việc nhóm, khả năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo,... - Có khả năng vận dụng các kiến thức về quản trị bán hàng vào việc hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá quá trình vận hành kinh doanh của doanh nghiệp. - Đủ năng lực hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được doanh nghiệp giao - Có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, sẵn sàng chia sẻ và hợp tác với đồng nghiệp, khách hàng trong kinh doanh. - Tuân thủ với trách nhiệm cao những quy định, chế định của chính quyền và xã hội.		
58	Quản trị kênh phân phối	-Hiểu về kênh phân phối và vận dụng kiến thức trong việc phân tích, đánh giá hoạt động của kênh phân phối, ra các quyết định quản trị kênh phân phối - Vận dụng các kiến thức căn bản về marketing, kênh phân phối và quản trị kênh phân phối trong việc tìm hiểu hoạt động phân phối, các yếu tố ảnh hưởng tới phân phối và hoạt động quản trị kênh phân phối của một doanh nghiệp - Kỹ năng đánh giá và phân tích định tính vấn đề - Kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế chương trình, giao tiếp thông qua các hoạt động làm việc nhóm, thuyết trình - Vận dụng được các kỹ năng cần thiết trong việc tiếp xúc, giao tiếp xử lý xung đột và xây dựng mối quan hệ giữa các thành viên kênh - Có khả năng vận dụng kiến thức để lập kế hoạch phân phối cho một sản phẩm cụ thể hoặc một chương trình bán hàng cụ thể của doanh nghiệp. - Có khả năng quan sát, mô tả lại quá trình phân phối và quản trị phân phối trong một lĩnh vực/doanh nghiệp/ sản phẩm cụ thể - Có thể phân tích những tình huống xung đột kênh và quản trị kênh của một số doanh nghiệp trên thực tế - Có thể nhận xét, phân tích, phản biện và đưa ra ý kiến cá nhân trong một số tình huống phân phối của các doanh nghiệp - Có cái nhìn đúng đắn về vai trò của phân phối, quản trị kênh phân phối, những cơ hội và thách thức cũng như con đường phát triển của một người giám sát kênh/ phụ trách	2 (1-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		quản lý kênh phân phối. - Có tư duy đúng đắn, phù hợp về công việc và nghề nghiệp liên quan đến quản trị kênh phân phối, quản trị lực lượng bán hàng, logistics trong tương lai.		
59	Marketing số	- Nắm được khái niệm, vai trò, vị trí, nội dung của Marketing số - Nắm được vai trò và các nguyên tắc xây dựng nội dung - Nắm được các loại hình marketing số hiện nay - Hiểu được cách xây dựng kế hoạch marketing số. - Hiểu được vai trò và nguyên tắc xây dựng nội dung cho marketing số - Hiểu được xu thế phát triển, cách triển khai các hình thức marketing số như facebook, youtube, website, SMS, Email... - Vận dụng triển khai các hình thức digital marketing trên các kênh online. - Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá các kế hoạch marketing số trong từng doanh nghiệp cụ thể. - Có khả năng đề xuất kế hoạch marketing số cho một doanh nghiệp / lĩnh vực kinh doanh - Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng viết báo cáo,... - Có khả năng lên ý tưởng, xây dựng nội dung cho một chiến dịch marketing số.	3 (2-1-0)	6
60	Quản trị truyền thông marketing	- Vận dụng được kiến thức vào phân tích hành vi người tiêu dùng để nắm các cơ hội xây dựng chương trình truyền thông marketing hiệu quả. - Vận dụng được các nhân tố tác động đến một chiến dịch truyền thông; - Nắm được các yếu tố của chương trình truyền thông marketing: quảng cáo, khuyến mãi, bán hàng cá nhân, quan hệ công chúng, marketing trực tiếp - Hiểu và vận dụng được quy trình, nguyên tắc và tầm quan trọng của xử lý khủng hoảng truyền thông - Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá các chiến lược truyền thông trong từng doanh nghiệp cụ thể. - Có khả năng thành lập, tổ chức và vận hành các nhóm làm việc theo yêu cầu. - Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp bằng văn bản hoặc các phương tiện truyền tin khác tới các cá nhân và tổ chức tại nơi làm việc. - Có kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ	3 (2-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		liệu/thông tin để giải quyết vấn đề hoặc ra quyết định trong hoạt động quản trị truyền thông marketing tại doanh nghiệp. - Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ quản trị truyền thông marketing cơ bản và thường xuyên như phân tích, lập kế hoạch đặc biệt là kế hoạch truyền thông marketing nhằm tăng cường sự nhận diện thương hiệu và xây dựng hình ảnh doanh nghiệp, phân tích và lập kế hoạch truyền thông cho một nhãn hàng cũng như thực hiện và kiểm soát một kế hoạch truyền thông. - Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế khi phân tích và xử lý các tình huống quản trị truyền thông marketing trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi; - Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi tại doanh nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm đối với các nhiệm vụ quản trị truyền thông marketing được giao. - Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các nhiệm vụ xác định liên quan đến hoạt động truyền thông marketing. - Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận liên quan đến chuyên môn quản trị truyền thông marketing và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động quản trị truyền thông marketing của doanh nghiệp. - Có cái nhìn đúng đắn về vai trò của, nguyên tắc khi thực hiện truyền thông, đảm bảo tính trung thực với khách hàng, doanh nghiệp. - Có tư duy đúng đắn, phù hợp về công việc và nghề nghiệp liên quan đến truyền thông, quảng cáo, PR, bán hàng trong tương lai.		
61	Quản trị thương hiệu	- Nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản về thương hiệu. - Nắm chắc được những nội dung và quy trình trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu. - Hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu. - Hiểu được nội dung và vai trò của công tác quản trị rủi	2 (1-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		ro thương hiệu và hoạt động bảo vệ thương hiệu, quản trị thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu, quản trị truyền thông thương hiệu và hoạt động khai thác thương hiệu - Có khả năng ứng dụng các kỹ năng quản trị thương hiệu để phân tích và giải quyết các tình huống trong quản trị thương hiệu. - Có khả năng xây dựng và triển khai chương trình thương hiệu trong doanh nghiệp. - Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi tại doanh nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm đối với các nhiệm vụ liên quan đến quản trị thương hiệu. - Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ về quản trị thương hiệu. - Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và giám sát các hoạt động quản trị thương hiệu trong tổ chức. - Có khả năng vận dụng các kiến thức để phát huy tối ưu các kỹ năng phân tích tình huống xâm phạm và xử lý các tranh chấp thương hiệu. - Có đạo đức, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật		
		2.6.3 Quản trị kinh doanh thương mại điện tử		
62	Thanh toán điện tử	- Nắm được quá trình phát triển và xu hướng của khoa học thương mại điện tử. - Nắm vững kiến thức về thanh toán điện tử với các hình thức thanh toán cập nhật, hiện đại. - Hiểu biết và vận dụng thành thạo nội dung của các nghiệp vụ thanh toán điện tử - Có khả năng vận dụng, ứng dụng các phương pháp quản lý vào việc giải quyết các tình huống cụ thể của doanh nghiệp thương mại điện tử cụ thể. - Nắm được những bí kíp quan trọng nhất để phát triển hoạt động quản trị kinh doanh thương mại điện tử đối với doanh nghiệp thương mại điện tử và các tổ chức có ứng dụng thương mại điện tử , - Thông qua môn học này, sinh viên cũng được phát triển các kỹ năng làm việc nhóm (hình thành nhóm làm việc hiệu quả, vận hành nhóm, phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm, làm việc trong các nhóm khác nhau), kỹ năng giao tiếp (giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp qua thư điện tử/các	3 (2-1-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp giữa các cá nhân), kỹ năng viết báo cáo,... - Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh doanh thương mại điện tử vào việc hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá quá trình vận hành kinh doanh của doanh nghiệp. - Có đủ kiến thức làm nền tảng cho sự học hỏi, phát triển bản thân để nhanh chóng hòa nhập và để liên tục sáng tạo. - Đủ năng lực hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được doanh nghiệp giao - Đủ kiến thức và năng lực chuyên môn về kinh doanh thương mại điện tử để chủ động, tự tin đảm nhận những công việc được giao. Nhiệt huyết, cần mẫn, sáng tạo trong lĩnh vực thương mại điện tử, lĩnh vực mới mẻ và đầy thách thức. - Có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, sẵn sàng chia sẻ và hợp tác với đồng nghiệp, khách hàng trong kinh doanh. - Tuân thủ với trách nhiệm cao những quy định, chế định của chính quyền và xã hội.		
63	Kế hoạch kinh doanh	- Nhớ được khái niệm, vai trò, vị trí, nội dung của bản kế hoạch kinh doanh - Nhớ được các loại kế hoạch kinh doanh Nhớ được các phương pháp xác định mục tiêu trong bản kế hoạch kinh doanh - Nhớ được các phương pháp lập kế hoạch kinh doanh - Hiểu được sự khác biệt của bản kinh doanh thương mại điện tử và bản kế hoạch kinh doanh chung toàn doanh nghiệp. - Hiểu được căn cứ xây dựng bản kế hoạch kinh doanh - Hiểu được phương pháp, nội dung của một bản kế hoạch kinh doanh - Hiểu được cách triển khai, đánh giá một bản kế hoạch kinh doanh - Có khả năng đánh giá môi trường kinh doanh, kỹ năng lập mục tiêu và lập kế hoạch kinh doanh cho sinh viên. - Có khả năng phối hợp các nhiệm vụ chức năng trong doanh nghiệp như kế hoạch, marketing, nhân sự, sản xuất, tài chính... - Có khả năng phân tích, đánh giá và xây dựng bản kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức.	2 (1-1-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Xây dựng kế hoạch kinh doanh điện tử cho một doanh nghiệp hoặc tổ chức. - Tham gia đánh giá (điểm mạnh, điểm yếu) và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh Thương mại điện tử của một doanh nghiệp.		
64	Marketing số	- Nắm được khái niệm, vai trò, vị trí, nội dung của Marketing số - Nắm được vai trò và các nguyên tắc xây dựng nội dung - Nắm được các loại hình marketing số hiện nay - Hiểu được cách xây dựng kế hoạch marketing số. - Hiểu được vai trò và nguyên tắc xây dựng nội dung cho marketing số - Hiểu được xu thế phát triển, cách triển khai các hình thức marketing số như facebook, youtube, website, SMS, Email... - Vận dụng triển khai các hình thức digital marketing trên các kênh online. - Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá các kế hoạch marketing số trong từng doanh nghiệp cụ thể. - Có khả năng đề xuất kế hoạch marketing số cho một doanh nghiệp / lĩnh vực kinh doanh - Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng viết báo cáo,... - Có khả năng lên ý tưởng, xây dựng nội dung cho một chiến dịch marketing số.	3 (2-1-0)	6
65	Quản trị nội dung và chăm sóc website	- Nắm chắc các kiến thức cơ bản về website và quy trình phát triển website kinh doanh thương mại. - Nắm chắc các kiến thức về tối ưu hóa công cụ tìm kiếm SEO, nguyên tắc thiết kế website, chiến lược phát triển website - Có khả năng thiết lập, thiết kế webstie thương mại - Có khả năng mô tả các sản phẩm, hàng hóa/ dịch vụ của công ty và giới thiệu cho khách hàng các thông tin cơ bản thông qua webstie - Có khả năng thực hiện giao tiếp quảng cáo sản phẩm thông qua website - Có khả năng tổng hợp xử lý thông tin quảng cáo, đánh giá thông tin và biết cách tổ chức website - Có khả năng phát triển 1 website trên nền tảng Joomla	2 (1-1-0)	6
66	Kinh doanh Thương mại điện tử	- Nắm được quá trình phát triển và xu hướng của khoa học thương mại điện tử. - Nắm vững kiến thức về kinh doanh thương mại điện tử.	3 (2-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		- Hiểu biết và vận dụng nội dung của kinh doanh thương mại điện tử bao gồm: lập kế hoạch, quản lý hiệu quả các nguồn lực, kinh doanh B2C, B2B và xử lý khi có tranh chấp xảy ra trong kinh doanh thương mại điện tử... - Có khả năng vận dụng, ứng dụng các phương pháp quản lý vào việc giải quyết các tình huống cụ thể của doanh nghiệp thương mại điện tử cụ thể. - Nắm được những nguyên tắc quan trọng nhất để phát triển hoạt động quản trị kinh doanh thương mại điện tử đối với doanh nghiệp thương mại điện tử và các tổ chức có ứng dụng thương mại điện tử, - Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng viết báo cáo,... - Có khả năng vận dụng các kiến thức về quản trị kinh doanh thương mại điện tử vào việc hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá quá trình vận hành kinh doanh của doanh nghiệp. - Có đủ kiến thức làm nền tảng cho sự học hỏi, phát triển bản thân để nhanh chóng hòa nhập và để liên tục sáng tạo. - Đủ năng lực hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được doanh nghiệp giao		
67	Quản trị thương hiệu	- Nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản về thương hiệu. - Nắm chắc được những nội dung và quy trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu. - Hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu. - Hiểu được nội dung và vai trò của công tác quản trị rủi ro thương hiệu và hoạt động bảo vệ thương hiệu, quản trị thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu, quản trị truyền thông thương hiệu và hoạt động khai thác thương hiệu - Có khả năng ứng dụng các kỹ năng quản trị thương hiệu để phân tích và giải quyết các tình huống trong quản trị thương hiệu. - Có khả năng xây dựng và triển khai chương trình thương hiệu trong doanh nghiệp. - Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi tại doanh nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm đối với	2 (1-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số tín chỉ	Tổ chức tại Kỳ
		các nhiệm vụ liên quan đến quản trị thương hiệu. - Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ về quản trị thương hiệu. - Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và giám sát các hoạt động quản trị thương hiệu trong tổ chức. - Có khả năng vận dụng các kiến thức để phát huy tối ưu các kỹ năng phân tích tình huống xâm phạm và xử lý các tranh chấp thương hiệu. - Có đạo đức, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật		

7. Ma trận quan hệ giữa CDR của Chương trình đào tạo và các Học phần

Học phần	Chuẩn đầu ra															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
Lý luận chính trị																
Pháp luật đại cương	x															x
Triết học Mác - Lênin	x				x			x								x
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x				x			x								x
Chủ nghĩa xã hội khoa học	x				x			x								x
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x				x			x								x
Tư tưởng Hồ Chí Minh	x							x								x
Kỹ năng																
Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	x				x						x					
Kỹ năng đàm phán	x				x					x				x		x
Khoa học tự nhiên và tin học																
Toán cao cấp I	x							x								
Toán cao cấp II	x							x								
Tin học cơ bản	x						x									
Nhập môn xác suất thống kê	x							x								
Tiếng Anh																
Tiếng Anh 1	x					x										
Tiếng Anh 2	x					x										
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																
Cơ sở khối ngành																
Nguyên lý kinh tế vi mô		x						x		x						
Quản trị học	x	x			x			x								
Nguyên lý kinh tế vĩ mô		x						x		x						

Học phần	Chuẩn đầu ra															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Nguyên lý kế toán		x							x					x		
Pháp luật kinh tế	x							x	x	x						x
Nguyên lý thống kê	x							x	x	x						
Marketing căn bản		x			x			x		x		x				x
Kiến thức cơ sở ngành																
Tài chính - Tiền tệ		x						x								
Thương mại điện tử		x			x				x			x				
Kinh tế lượng	x						x	x						x		
Kinh doanh quốc tế		x	x					x	x	x				x		
Thống kê doanh nghiệp	x	x						x	x			x				
Kiến thức ngành																
Quản trị nguồn nhân lực		x			x			x	x						x	
Quản trị tài chính doanh nghiệp		x		x				x	x			x		x	x	
Quản lý chất lượng	x	x		x				x		x		x				x
Quản trị tác nghiệp		x		x				x	x						x	x
Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh		x		x	x	x						x				
Quản trị rủi ro		x			x			x				x	x			
Quản trị marketing		x	x					x	x					x	x	
Quản lý dự án		x						x	x			x			x	
Quản trị doanh nghiệp		x			x			x			x		x		x	x
Hệ thống thông tin quản lý		x						x	x	x		x		x		
Khởi nghiệp		x			x			x			x				x	
Kế toán quản trị		x		x				x	x			x		x	x	
Quản trị chiến lược		x			x			x		x		x				
Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng		x	x		x			x	x					x	x	x
Thực tập ngành Quản trị kinh doanh		x	x		x			x				x		x		x
Kiến thức tự chọn																
<i>Lý thuyết tổ chức</i>		x			x			x					x	x		
<i>Phát triển kỹ năng quản trị</i>		x		x	x							x	x			
<i>Kinh tế quản lý</i>	x	x							x	x						
<i>Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế</i>		x	x		x				x							
<i>Thị trường chứng khoán</i>		x						x				x		x		
<i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>		x			x			x				x		x		
<i>Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong kinh doanh</i>	x	x						x		x						
<i>Văn hóa doanh nghiệp</i>		x			x			x	x			x			x	x
Khóa luận tốt nghiệp		x	x		x			x				x				x

Học phần	Chuẩn đầu ra															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kiến thức chuyên ngành																
Quản trị kinh doanh quốc tế																
Pháp luật kinh doanh quốc tế			x		x			x	x			x		x		
Marketing quốc tế			x	x				x	x			x		x		x
Giao dịch thương mại quốc tế			x	x					x					x	x	
Logistics quốc tế			x	x					x					x	x	x
Thanh toán quốc tế			x	x	x			x	x			x		x		
Quản trị tài chính quốc tế			x					x	x			x		x	x	
Quản trị Marketing																
Hành vi người tiêu dùng			x					x	x	x				x	x	x
Quản trị bán hàng			x	x				x	x			x		x		
Quản trị kênh phân phối			x	x				x	x			x		x		
Marketing số			x	x				x	x			x			x	
Quản trị truyền thông marketing			x	x	x			x	x			x		x		
Quản trị thương hiệu			x					x	x	x		x			x	
Quản trị kinh doanh TMDT																
Thanh toán điện tử			x	x				x	x	x		x		x		
Kế hoạch kinh doanh			x	x	x			x	x			x			x	
Marketing số			x	x				x	x			x			x	
Quản trị nội dung và chăm sóc website			x					x	x			x		x	x	
Quản trị thương hiệu			x					x	x	x		x			x	
Kinh doanh Thương mại điện tử			x	x	x			x	x			x		x		

8. Ma trận phương pháp giảng dạy

TT	Học phần	Phương pháp giảng dạy															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
I.1	Lý luận chính trị																
1	Pháp luật đại cương	x		x		x	x			x							
2	Triết học Mác - Lênin	x	x		x	x				x							
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x		x	x				x							
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x	x				x							
5	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	x	x		x	x				x	x						
6	Tư tưởng HCM	x	x		x	x				x	x						
I.2	Kỹ năng																
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	x	x		x	x	x			x	x		x			x	

TT	Học phần	Phương pháp giảng dạy															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	Kỹ năng đàm phán	x	x		x	x	x		x	x		x			x		
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học																
9	Toán cao cấp I	x		x		x	x			x							
10	Toán cao cấp II	x		x		x	x			x							
11	Tin học cơ bản	x		x				x									
12	Nhập môn xác suất thống kê																
I.4	Tiếng Anh																
13	Tiếng Anh I	x			x	x	x		x	x				x			
14	Tiếng Anh II	x			x	x	x		x	x				x			
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																
II.1	Cơ sở khối ngành																
15	Nguyên lý kinh tế vi mô	x		x		x	x	x							xx		
16	Quản trị học	x		x		x	x		x								
17	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	x		x		x	x		x		x						
18	Nguyên lý kế toán	x				X											
19	Pháp luật kinh tế	x		x		x	x		x	x							
20	Nguyên lý thống kê	x				x											
21	Marketing căn bản	x			x	x	x		x								
II.2	Kiến thức cơ sở ngành																
22	Tài chính - Tiền tệ	x	x	x	x	x	x										
23	Thương mại điện tử	x		x		x	x		x								
24	Kinh tế lượng	x				x											
25	Kinh doanh quốc tế	x		x	x	x	x		x						x		
26	Thống kê doanh nghiệp	x		x			x		x						x		
II.3	Kiến thức ngành																
27	Quản trị nguồn nhân lực	x		x	x	x				x					x		
28	Quản trị tài chính doanh nghiệp	x			x	x	x								x		
29	Quản lý chất lượng	x		x	x	x	x	x	x						x		
30	Quản trị tác nghiệp	x		x	x	x	x		x		x				x		
31	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	x			x	x			x								

TT	Học phần	Phương pháp giảng dạy															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
32	Quản trị rủi ro	x			x	x	x		x						x		
33	Quản trị marketing	x		x	x	x	x		x						x		
34	Quản lý dự án	x		x	x	x											
35	Quản trị doanh nghiệp	x			x	x				x							
36	Hệ thống thông tin quản lý	x		x	x	x			x						x		
37	Khởi nghiệp	x		x		x											
38	Kế toán quản trị	x				x	x										
39	Quản trị chiến lược	x		x	x	x	x		x	x					x		
40	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	x			x	x	x								x		
41	Thực tập ngành Quản trị kinh doanh																
II.4	Kiến thức tự chọn																
42	Lý thuyết tổ chức	x		x		x											
43	Phát triển kỹ năng quản trị	x			x	x	x		x						x		
44	Kinh tế quản lý	x	x	x	x	x	x										
45	Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế	x		x													
46	Thị trường chứng khoán	x		x		x	x										
47	Quản lý nhà nước về kinh tế	x		x		x	x										
48	Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong kinh doanh	x		x	x	x	x								x		
49	Văn hóa doanh nghiệp	x		x	x	x	x		x						x		
II.5	Khoá luận tốt nghiệp																
II.6	Kiến thức chuyên ngành					x		x		x							
II.6.1	Quản trị kinh doanh quốc tế																
50	Pháp luật kinh doanh quốc tế	x		x	x	x	x		x	x					x		
51	Marketing quốc tế	x	x		x	x				x							
52	Giao dịch TM quốc tế	x	x	x	x	x	x										
53	Logistics quốc tế	x	x		x	x	x										
54	Thanh toán quốc tế	x	x		x	x	x								x		
55	Quản trị tài chính quốc tế	x	x	x	x	x	x		x								
II.6.1	Quản trị Marketing																
56	Hành vi người tiêu dùng	x	x	x	x	x	x		x								

TT	Học phần	Phương pháp giảng dạy															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
57	Quản trị bán hàng	x		x	x	x	x		x								
58	Quản trị kênh phân phối	x		x	x	x	x		x			x	x				
59	Marketing số	x		x		x	x		x								
60	Quản trị truyền thông marketing	x	x		x	x	x		x								
61	Quản trị thương hiệu	x		x	x	x	x		x							x	
II.6.1	Quản trị kinh doanh thương mại điện tử																
62	Thanh toán điện tử	x	x	x	x	x	x		x								
63	Kế hoạch kinh doanh	x		x	x	x	x		x								
64	Marketing số	x		x		x	x		x								
65	Quản trị nội dung và chăm sóc website	x	x		x	x	x		x								
66	Quản trị thương hiệu	x		x	x	x	x		x							x	
67	Kinh doanh thương mại điện tử	x		x	x	x	x		x			x	x				

Ghi chú: Các phương pháp giảng dạy

- (1) Thuyết trình/ giảng
- (2) Học tập dựa vào vấn đề
- (3) Truy vấn
- (4) Thảo luận
- (5) Vấn đáp
- (6) Tình huống
- (7) Thực hành
- (8) Hoạt động nhóm
- (9) Tự nghiên cứu
- (10) Kỹ thuật động não
- (11) Suy nghĩ-chia sẻ-nhóm đôi
- (12) Sơ đồ tư duy (Mindmap)
- (13) Trò chơi
- (14) NC trường hợp điển hình
- (15) Khám phá-WEBQUEST
- (16) Đóng vai

9. Ma trận các phương pháp đánh giá

TT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYỀN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài KT trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
I.1	Lý luận chính trị								
1	Pháp luật đại cương	X			X		X	X	
2	Triết học Mác - Lênin	X	X		X		X		
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X	X		X			X	
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X		X		X		
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X			X		X		
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X			X		X		
I.2	Kỹ năng								
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	X	X	X			X	X	
8	Kỹ năng đàm phán	X		X	X		X	X	
9	Toán cao cấp I	X	X		X			X	
10	Toán cao cấp II	X	X		X			X	
11	Tin học cơ bản	X			X		X		
12	Nhập môn xác suất thống kê	X	X		X			X	
I.4	Tiếng Anh								
13	Tiếng Anh I	X	X		X		X	X	
14	Tiếng Anh II	X	X		X		X	X	
I.5	Giáo dục quốc phòng								
I.6	Giáo dục thể chất								
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
II.1	Cơ sở khối ngành								
15	Nguyên lý kinh tế vi mô	X	X		X		X	X	

TT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài KT trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
16	Quản trị học		X				X		
17	Nguyên lý kinh tế vĩ mô		X		X			X	
18	Nguyên lý kế toán	X	X		X			X	
19	Pháp luật kinh tế			X	X		X	X	
20	Nguyên lý thống kê				X		X	X	
21	Marketing căn bản	X		X			X		
II.2	Kiến thức cơ sở ngành								
22	Tài chính - Tiền tệ		X		X			X	
23	Thương mại điện tử	X		X	X		X		
24	Kinh tế lượng	X	X		X			X	
25	Kinh doanh quốc tế	X	X		X		X		
26	Thống kê doanh nghiệp	X		X	X			X	
II.3	Kiến thức ngành								
27	Quản trị nguồn nhân lực	X		X	X		X	X	
28	Quản trị tài chính doanh nghiệp	X	X	X	X			X	
29	Quản lý chất lượng	X		X			X	X	
30	Quản trị tác nghiệp	X		X	X			X	
31	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	X		X	X		X		
32	Quản trị rủi ro	X		X	X		X	X	
33	Quản trị marketing	X			X		X		
34	Quản lý dự án	X	X		X		X	X	
35	Quản trị doanh nghiệp	X		X	X		X		
36	Hệ thống thông tin quản lý		X		X		X		
37	Khởi nghiệp	X		X	X			X	

TT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài KT trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
38	Kế toán quản trị	X	X		X			X	
39	Quản trị chiến lược	X		X	X		X	X	
40	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	X		X	X		X	X	
41	Thực tập ngành QTKD	X	X	X				X	
II.4	Kiến thức tự chọn								
42	Lý thuyết tổ chức	X		X	X		X		
43	Phát triển kỹ năng quản trị	X		X	X		X	X	
44	Kinh tế quản lý		X		X		X		
45	Lý thuyết và chính sách TM quốc tế	X		X			X		
46	Thị trường chứng khoán		X				X		
47	Quản lý nhà nước về kinh tế		X		X			X	
48	Ứng dụng LTTC trong kinh doanh		X		X			X	
49	Văn hóa doanh nghiệp	X		X	X		X		
II.5	Khoá luận tốt nghiệp					X			X
II.6	Kiến thức chuyên ngành								
II.6.1	Quản trị kinh doanh quốc tế								
50	Pháp luật kinh doanh quốc tế			X	X		X		
51	Marketing quốc tế			X	X		X		
52	Giao dịch TM quốc tế	X	X		X		X		
53	Logistics quốc tế	X		X			X		
54	Thanh toán quốc tế	X	X		X		X		
55	Quản trị tài chính quốc tế			X	X		X	X	
II.6.1	Quản trị Marketing								
56	Hành vi người tiêu dùng	X		X			X		

TT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài KT trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
57	Quản trị bán hàng	X		X	X		X		
58	Quản trị kênh phân phối	X			X		X		
59	Marketing số	X		X	X		X	X	
60	Quản trị truyền thông marketing	X		X			X		
61	Quản trị thương hiệu	X		X	X		X	X	
II.6.1	Quản trị kinh doanh TMĐT								
62	Thanh toán điện tử	X		X	X		X		
63	Kế hoạch kinh doanh	X		X	X		X	X	
64	Marketing số	X		X	X		X	X	
65	Quản trị nội dung và chăm sóc website			X	X		X	X	
66	Quản trị thương hiệu	X		X	X		X	X	
67	Kinh doanh thương mại điện tử	X		X	X		X		

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2020

Trưởng Khoa

TS. Đỗ Văn Quang